

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 18 ngày 09 tháng 09 năm 2019)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 320./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	
	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI Địa chỉ : 473 Minh Khai, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại : (024) 3862 3566 Fax: (024) 3862 1214 Website : http://vinatranco.com.vn/
TỔ CHỨC TƯ VẤN	
	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà Grand Building, 30-32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại : (024) 3941 0277 (024) 3041 0323 Website : http://www.apsi.vn/

Phụ trách Công bố thông tin:

Họ tên: Ông Đỗ Trường Giang - Chức vụ: Kế toán trưởng - Số điện thoại: 024 3862 4876



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 05 năm 2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá bán:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	1.249.600 (Một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm) cổ phần
Tổng giá trị chào bán:	12.496.000.000 (Mười hai tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ	: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
Điện thoại	: (024) 3824 1990	Fax: (024) 3825 3973
Website	: https://aasc.com.vn/web/	

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG

Địa chỉ	: Tầng 5 Tòa nhà Grand Building, 30-32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
Điện thoại	: (024) 3941 0277	Fax: (024) 3041 0323
Website	: http://www.apsi.vn/	

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro của đợt chào bán	12
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro quản trị công ty	14
7. Rủi ro khác	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	15
1. Tổ chức phát hành	15
2. Tổ chức tư vấn	15
III. CÁC KHÁI NIỆM	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
1. Quá trình hình thành và phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức công ty	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	21
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	29
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	30
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	30
7. Hoạt động kinh doanh	30
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	43
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	46
10. Chính sách đối với người lao động	50
11. Chính sách cổ tức	51
12. Tình hình tài chính	52
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	61

14. Tài sản.....	73
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	76
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	77
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	78
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	78
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	78
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	78
1. Loại cổ phiếu.....	78
2. Mệnh giá.....	78
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	78
4. Giá chào bán dự kiến.....	78
5. Phương pháp tính giá.....	79
6. Phương thức phân phối.....	79
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	80
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	80
9. Phương thức thực hiện quyền.....	80
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	80
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	81
12. Các loại thuế có liên quan.....	82
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	83
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	83
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	83
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	84
IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	85
X. PHỤ LỤC.....	85

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP).....	6
Biểu đồ 2: Lạm phát.....	8
Biểu đồ 3: Diễn biến tỷ giá USD/VND trong thời gian gần đây.....	10
Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	20
Biểu đồ 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	21

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần thời điểm 15/05/2019.....	29
Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/05/2019.....	29
Bảng 3 : Quá trình 02 lần tăng vốn.....	30
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ.....	35
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất.....	35
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ.....	36
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình kinh doanh hợp nhất.....	37
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ.....	37
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu hợp nhất.....	38
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty mẹ.....	38
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận hợp nhất.....	39
Bảng 12: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	39
Bảng 13: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	40
Bảng 14: Các hợp đồng đã được ký kết và đang thực hiện.....	43
Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	44
Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	44
Bảng 17: Cơ cấu lao động.....	50
Bảng 18: Tình hình chi trả cổ tức.....	51
Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ.....	52
Bảng 20: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu hợp nhất.....	52
Bảng 21: Số năm khấu hao TSCĐ.....	53
Bảng 22: Số dư thuế phải nộp của Công ty mẹ.....	54

Bảng 23: Số dư thuế phải nộp hợp nhất	54
Bảng 24: Số dư thuế phải thu Công ty mẹ	55
Bảng 25: Số dư thuế phải thu hợp nhất	55
Bảng 26: Tổng dư nợ vay công ty mẹ	56
Bảng 27: Tổng dư nợ vay hợp nhất	56
Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ	57
Bảng 29: Các khoản phải thu hợp nhất	57
Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ	58
Bảng 31: Các khoản phải trả hợp nhất	59
Bảng 32: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	60
Bảng 33: Giá trị tài sản của Công ty mẹ	73
Bảng 34: Giá trị tài sản hợp nhất	73
Bảng 35: Tình hình đất đai	75
Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019 và 2020	76

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (VINATRANCO) hoạt động trong lĩnh vực logistics, kinh doanh thương mại dầu mỡ nhờn, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su tổng hợp, hàng tiêu dùng.....; do đó, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

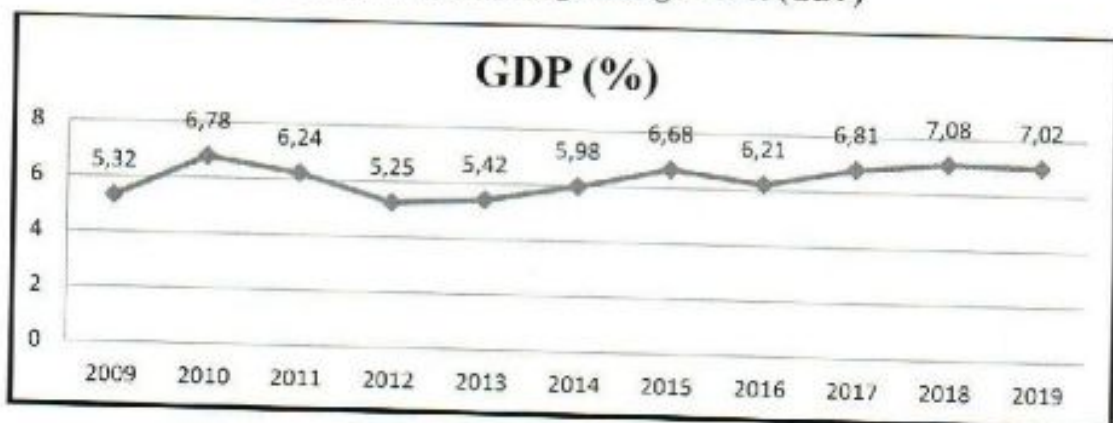
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh được đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động bất ngờ của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro kinh tế là loại rủi ro có hệ thống nên chịu tác động của các điều kiện kinh tế chung như tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP, lạm phát, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, lãi suất,.... Đây là rủi ro tác động tới toàn bộ thị trường và không thể kiểm soát được, chính vì vậy, doanh nghiệp cần đánh giá chính xác yếu tố rủi ro này để dự phòng mức độ tác động của nó đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành an toàn cho mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó không thể không nhắc tới lĩnh vực kinh doanh kho vận và dịch vụ thương mại của VINATRANCO.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm như sau:

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực do với năm 2012, cụ thể GDP đã tăng từ 5,35% năm 2012 lên 5,98% năm 2014, tăng 1,14 lần. Từ năm 2015 đến nay, tình hình kinh tế đã phát triển mạnh mẽ hơn nhiều so với giai đoạn trước. Năm 2017, GDP đạt 6,81%, vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng trưởng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế đạt 7,08% so với năm 2017, mức tăng cao nhất 11 năm qua và vượt mục tiêu đề ra là 6,7%. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 5,54 triệu tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục đánh dấu một năm khởi sắc trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại. Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7,02% so với năm 2018, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là từ 6,6-6,8%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt gần 517 tỷ USD, tăng 7,6% so năm 2018; lần đầu vượt ngưỡng 500 tỷ USD và là kết quả lịch sử, với giá trị xuất siêu đạt mức kỷ lục mới đạt 9,94 tỷ USD.

Bước sang năm 2020, trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm, giá dầu thô giảm mạnh, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Mỹ và Iran và đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2020 cũng chịu ảnh hưởng nặng nề. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP cả nước tăng trưởng 1,81% trong 6 tháng đầu năm 2020. Riêng GDP quý II/2020, ước tính tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng trưởng thấp kỷ lục của nước ta trong gần 30 năm trở lại đây kể từ năm 1991 và là mức tăng trưởng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011 - 2020. Nguyên nhân do Chính phủ thực hiện chủ trương đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng, chống dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân; thực hiện nghiêm ngặt việc cách ly xã hội. Cũng chính vì điều này mà nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm. So với các nước trong khu vực và thế giới thì con số 1,81% vẫn là mức tăng trưởng khá.

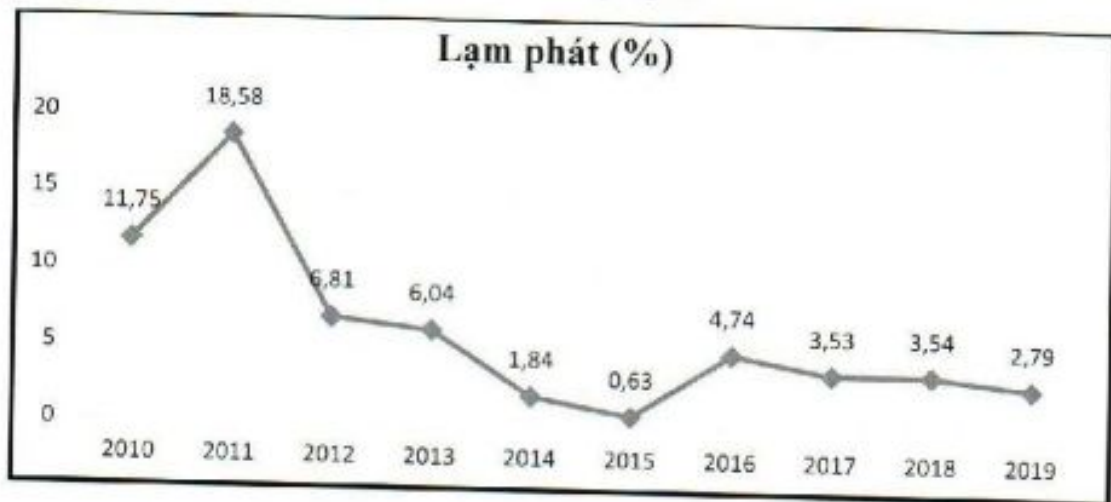
Với những nỗ lực của Chính phủ trong việc phòng chống dịch bệnh Covid-19 cùng với việc tiếp tục thực hiện cải cách quy trình, thủ tục để doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ đơn giản, thuận tiện, kịp thời tạo môi trường kinh doanh tốt hơn, hoàn thiện môi trường pháp lý để đầu tư công được đẩy mạnh và đầu tư tư nhân sẽ được thúc đẩy; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư ... thì các doanh nghiệp nói chung và VINATRANCO nói riêng sẽ có tiềm năng duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

1.2. Lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chỉ số lạm phát tăng quá cao sẽ làm gia tăng gánh nặng chi phí vốn cũng như chi phí quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Theo số liệu công bố những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đang được kiểm soát ở mức ổn định.

Biểu đồ 2: Lạm phát



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Năm 2019, lạm phát Việt Nam ở mức thấp nhất trong giai đoạn 3 năm từ 2017 - 2019. Lạm phát được kiểm soát trong năm 2019 chủ yếu là nhờ giá hàng hóa thế giới giảm, chính sách tín dụng thận trọng, tỷ giá ổn định và giá dịch vụ y tế không tăng nhiều. Bước sang năm 2020, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do dịch Covid - 19 và giá thịt lợn leo cao, do đó việc kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% như mục tiêu của Quốc hội để ra gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cùng với việc triển khai đồng bộ các giải pháp chống dịch Covid-19, Nhà nước đã chỉ đạo công tác quản lý, điều hành giá triển khai toàn diện với nhiều biện pháp, nhằm kịp thời ổn định mặt bằng giá cả thị trường. Qua đó, giúp việc kiểm soát lạm phát theo định hướng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục thống kê, CPI tháng 6 vừa qua tăng 0,66%. Từ đó, CPI bình quân giảm dần từ mức cao là 6,54% về mức 4,19% trong 6 tháng đầu năm, dần tiệm cận với chỉ tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4% mà Quốc hội đề ra.

Lạm phát được duy trì ở mức ổn định và nằm trong tầm kiểm soát giúp bình ổn các yếu tố đầu vào, góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.3. Lãi suất

Trong nền kinh tế, lãi suất là yếu tố rất nhạy cảm đối với biến động của nền kinh tế; hơn nữa, nó là công cụ trong việc thực hiện chính sách tài chính tiền tệ của Chính phủ. Vì vậy,

rủi ro lãi suất là rủi ro xuất hiện thường xuyên trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Năm 2019, thanh khoản của hệ thống ngân hàng ở mức tốt, kèm theo các chính sách điều tiết dòng vốn của NHNN được ban hành khiến cho lãi suất cả năm bình ổn. Cụ thể, các thông báo giảm một loạt lãi suất điều hành của NHNN vào ngày 13/09/2019, giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6.25%/năm xuống 6.0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4.25%/năm xuống 4.0%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng từ 7.25%/năm xuống 7.0%/năm. Đây là tín hiệu khá quan cho thấy khi nào hệ thống ngân hàng cần tiền, NHNN sẽ cung ứng tiền ra, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát còn dưới mức mục tiêu, thì việc giảm lãi suất như là một chính sách tiền tệ mở rộng hữu hiệu, chẳng những hỗ trợ cho hệ thống doanh nghiệp, mà còn hỗ trợ cho thanh khoản tiền đồng của hệ thống ngân hàng, khi ngân hàng cần tiền. Từ đó, lãi suất huy động giảm xuống đồng thời giúp lãi suất cho vay cũng giảm theo.

Sang năm 2020, dịch Covid-19 bất ngờ xuất hiện gây ra nhiều thiệt hại cho nền kinh tế nói chung và ảnh hưởng lớn đến sản xuất lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp nói riêng. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng, bảo đảm chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng khôi phục nhanh chóng sản xuất, kinh doanh. , từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6-0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân. Theo đó, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm so với đầu năm.

Công ty VINATRANCO luôn có nhu cầu vay vốn từ các ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, một sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vay vốn và sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Để đảm bảo an toàn với rủi ro lãi suất, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

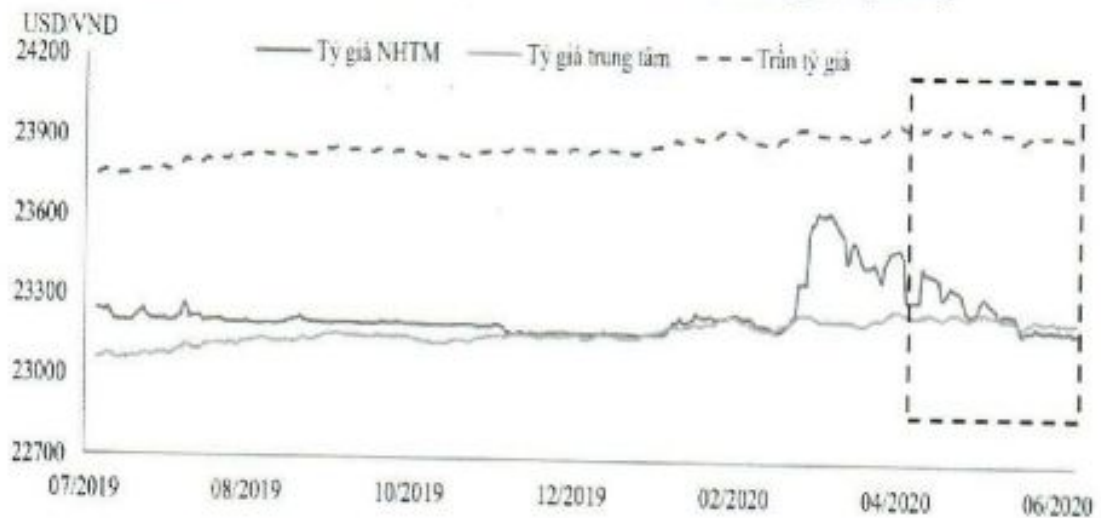
1.4. Tỷ giá

Theo báo cáo kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm, diễn biến tỷ giá của Việt Nam ổn định nhất so với các quốc gia trong khu vực. Cụ thể, tỷ giá USD dao động trong một biên độ hẹp trong 6 tháng đầu năm 2020 khi áp lực từ yếu tố cung cầu USD tương đối thấp với bối cảnh các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU đã nới lỏng tiền tệ rất mạnh tay khiến áp lực bên ngoài lên VND là không lớn. Diễn biến tỷ giá USD trong nước từ đầu năm 2020 cho đến

giữa tháng 3 khá ổn định với mức dao động chỉ ở mức 0,2 – 0,3%. Đến giai đoạn từ giữa tháng 3 đến đầu tháng 4/2020, tỷ giá USD tăng khá mạnh khoảng 1,86% do nhu cầu USD tăng mạnh trước biến động của thị trường tài chính toàn cầu.

Từ giữa tháng 4, tỷ giá có xu hướng hạ nhiệt. Đến thời điểm cuối tháng 6 năm 2020, tỷ giá đã ổn định trở lại và trở về gần với mức đầu năm.

Biểu đồ 3: Diễn biến tỷ giá USD/VND trong thời gian gần đây



Nguồn: Bloomberg, NIINN

Theo các chuyên gia kinh tế, với xu hướng dao động đi ngang của USD trên thị trường tài chính thế giới cộng thêm áp lực lạm phát của Việt Nam sẽ giảm trong các tháng cuối năm, sức ép giảm giá VND so với USD không quá mạnh. Do đó, NIINN có thể sẽ chỉ tăng nhẹ tỷ giá USD dưới 1% trong năm 2020, phù hợp với sự chênh lệch lạm phát giữa Việt Nam và Mỹ trong năm 2020.

Lĩnh vực kinh doanh của VINATRANCO chủ yếu là nhà phân phối đầu mớ của các hãng nước ngoài vào Việt Nam, kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su,....; và các hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải. Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Do phải nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài và phải duy trì mức tồn kho hàng hóa lớn để đảm bảo duy trì sản xuất khiến Công ty phải chịu rủi ro tác động từ biến động bất lợi và tỷ giá hối đoái do nhập khẩu phải thanh toán bằng ngoại tệ.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp phát sinh khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Công ty và những chiến lược phát triển ngành vận tải, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong nước và thế giới. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Hải quan và các văn bản dưới luật liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn

bản hướng dẫn thi hành. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, là một đơn vị xuất nhập khẩu, công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế xuất nhập khẩu, hạn ngạch. Tuy được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với các lĩnh vực kinh doanh của Việt Nam nói chung cũng như đối với VINATRANCO nói riêng. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định nói trên cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp lý, ban điều hành VINATRANCO đã liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các rủi ro phát sinh theo hướng tiêu cực, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, kinh doanh thương mại dầu nhờn,... ngoài những rủi ro nêu trên, VINATRANCO còn có khả năng đối mặt với những rủi ro đặc thù sau:

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Việc ngày càng có nhiều nhà phân phối kinh doanh trong cùng lĩnh vực dầu nhờn đã gây rất nhiều áp lực từ sự cạnh tranh đối với Công ty trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, kể từ khi hội nhập, ký kết các hiệp định thương mại, thị trường Việt Nam đã có nhiều công ty, tập đoàn nước ngoài được trực tiếp kinh doanh tại Việt Nam. Do đó, ngành kinh doanh dầu mỡ bôi trơn đang chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài.

Đối với lĩnh vực logistics, việc các công ty nước ngoài được tham gia vào lĩnh vực logistics khiến cạnh tranh ngày một gay gắt những cũng là cơ sở để các công ty trong nước nâng cao chất lượng dịch vụ. VINATRANCO có lợi thế về mặt bằng kho bãi ở các vị trí thuận tiện, đây là lợi thế cạnh tranh mà các công ty nước ngoài không thể có tại thị trường Việt Nam.

3.2. Rủi ro về yếu tố đầu vào

Với lĩnh vực logistics, công ty phải đối mặt với các rủi ro về thay đổi nhiên liệu đầu vào. Trong thời gian gần đây, giá nhiên liệu đầu vào có nhiều sự biến động, do đó công ty luôn phải chủ động tích trữ yếu tố đầu vào lớn để đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và không bị động trong trường hợp yếu tố đầu vào tăng giá đột ngột.

Bên cạnh đó, rủi ro về sự biến động giá đất cũng ảnh hưởng rất lớn tới dịch vụ kho bãi của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá đất, Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể về quy hoạch và phát triển kho bãi để đem lại giá trị khai thác cao hơn.

Là nhà phân phối các sản phẩm dầu nhờn bôi trơn, do đó Công ty phải phụ thuộc vào bên cung cấp hàng hóa. Nếu nhà phân phối có bất kỳ rủi ro nào thì Công ty sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Để hoạt động kinh doanh được ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, Vinatranco luôn có kế hoạch kinh doanh để phòng tránh rủi ro ở mức thấp nhất.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Ảnh hưởng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn và điều kiện vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán bất ổn đã có những tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt chào bán này sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty và việc không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho các cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm nguồn vốn khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo mục đích phát hành cổ phiếu.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu chào bán ra công chúng trong đợt này tối đa là 1.249.600 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 2.350.400 cổ phiếu. Sau khi lượng cổ phiếu trong đợt phát hành thêm này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý là lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên.

Trong đợt chào bán sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần -EPS; (ii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu EPS

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phiếu EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2020.

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành thành công.

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành).

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

(i) Giá định ngày hoàn tất đợt phát hành của Công ty là ngày 30/9/2020:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu phổ} \\ \text{thông đang lưu hành} \\ \text{bình quân trong kỳ} \\ \text{(năm 2019)} \end{array} = \frac{2.350.400*9 + 3.600.000*3}{12} = 2.662.800 \text{ (cổ phiếu)}$$

(ii) Giá định lợi nhuận sau thuế 2020 của Công ty: 10.000.000.000 đồng. Khi đó:

$$\begin{array}{l} \text{EPS năm 2019 trước khi} \\ \text{phát hành} \end{array} = \frac{10.000.000.000}{2.350.400} = 4.254,6 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

$$\begin{array}{l} \text{EPS năm 2019 sau khi} \\ \text{phát hành} \end{array} = \frac{10.000.000.000}{2.662.800} = 3.755,4 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Với 3 giả định gồm: (i) đợt chào bán hoàn tất vào ngày 30/9/2020; (ii) Công ty phát hành dự kiến phát hành 1.249.600 cổ phiếu; (iii) lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty đạt 10 tỷ đồng, thì sau khi chào bán, EPS năm 2020 của Công ty trong ví dụ này giảm 11,7% so với trước khi phát hành thêm cổ phiếu.

Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 1.249.600 cổ phiếu, EPS có thể bị pha loãng.

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó, BVPS sẽ được tính với công thức:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Với việc phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:1 và phát hành cho cán bộ công nhân viên 74.400 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/01 cổ phiếu thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2020 có thể giảm nếu tốc độ tăng của cổ phiếu đang lưu hành cao hơn tốc độ tăng của Nguồn vốn chủ sở hữu.

Giả sử:

(i) Tại thời điểm 31/12/2019 nguồn vốn chủ sở hữu là 28.138.023.751 đồng;

(ii) Tại thời điểm 31/12/2020 nguồn vốn chủ sở hữu là 40.634.023.751 đồng;

(iii) Công ty dự kiến phát hành thành công 1.249.600 cổ phiếu.

Dự kiến giá trị sổ sách trong tương lai

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	28.138.023.751	40.634.023.751
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	2.350.400	3.600.000
Giá trị sổ sách (đồng)	11.972	11.287

Với giá định trên thì tốc độ tăng của số cổ phiếu cao hơn tốc độ tăng của Nguồn vốn chủ sở hữu nên Giá trị sổ sách (BV) giảm 6% sau khi phát hành thêm.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống..... Công ty luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,... Trên thực tế, kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm qua của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định. Điều đó có được một phần không nhỏ là nhờ sự đồng lòng và thống nhất trong phương hướng chỉ đạo từ ban điều hành Công ty, vốn là các thành viên đã có nhiều năm làm việc cùng nhau. Vì vậy, rủi ro về quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh,... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người và tài sản của Công ty. Là một nước chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, lại hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải nên thiên tai sẽ có tác động trực tiếp đến hoạt động của Công ty. Để giảm tối đa nguy cơ từ những tác động này, Công ty xây dựng các kế hoạch giảm thiểu thiệt hại khi có sự cố xảy ra, trích lập các quỹ dự phòng khi có điều kiện, đồng thời tập huấn cho nhân viên kỹ năng đảm bảo an ninh an toàn khác.

Danh mục các nhân tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về tất cả các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào cổ phiếu.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Kim Cương Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Trường Giang Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Thơm Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thiên Hà

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do CTCP Chứng khoán APG tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán APG
Công ty/VINATRANCO	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Giấy chứng nhận ĐKKD	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
BIHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty Cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
LNST	Lợi nhuận sau thuế

NHNN	Ngân hàng Nhà nước
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLD	Tài sản lưu động
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TP	Thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân
BCTC	Báo cáo tài chính
UBND	Ủy ban nhân dân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Tên tiếng Anh:	TRANSPORT - WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	VINATRANCO
Địa chỉ giao dịch:	Số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84 - 024) 3862 3566
Fax:	(84 - 024) 3862 1214
Website:	www.vinatranco.com.vn
Logo:	



Giấy chứng nhận ĐKKD:	0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 05 năm 2018
Vốn điều lệ:	23.504.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ năm trăm lẻ tư triệu đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 05 năm 2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ đóng gói;	8292
2	Cửa, xẻ, bảo gỗ và bảo quân gỗ;	1610
3	Hoạt Động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi Tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh Xuất nhập khẩu và các dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác những mặt hàng: Vật tư, thiết bị, phụ tùng, sấm lốp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì, nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỏ, hóa chất (Trừ hóa chất Nhà Nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dung, nông sản, lương thực, thực phẩm.; Xuất khẩu phân bón các loại (ure,kali,đap,sa); Nhập khẩu mỹ phẩm các loại (Trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người) Nhập khẩu đồ chơi trẻ em(Trừ loại đồ chơi có hại cho giao dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);	8299
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;	4663
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc;	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý làm thủ tục hải quan Vận tải, đại lý giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; Vận tải quá cảnh, chuyển khẩu, môi giới tàu biển, dịch vụ cảng;	5229

7	Bán Buôn tổng hợp	
	Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, sắp lớp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì, nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỏ, hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng, nông sản, lương thực, thực phẩm;	4690
8	Đại lý, môi giới, đấu giá	
	Chi tiết: Đại lý ký gửi: Vật tư, thiết bị, phụ tùng, sắp lớp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì, nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỏ, hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng, nông sản, lương thực, thực phẩm;	4610
9	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	
	Chi tiết: Đại lý bán bảo hiểm;	6620
10	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
	Chi tiết: Sản xuất gia công cơ khí;	2592
11	Tái chế phế liệu	
	Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phế liệu: Sắt thép phế liệu, kim loại màu phế liệu, giấy phế liệu, nhựa phế liệu;	3830
12	Vận tải hành khách đường bộ khác	
	Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng	4932
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	
	Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô trong hợp đồng;	4933
14	Bán buôn đồ uống	
	Chi tiết: Kinh doanh bia rượu nước giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar);	4633
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:	
	- Kinh doanh phân bón các loại (ure,kali, đap, sa)	
	- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;	4669
	- Bán buôn cao su;	
	- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;	

- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;		
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác ... + Đá quý, bột thạch anh, mica	0899
19	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
20	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
22	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, - Sản xuất len xi, len đá, len khoáng tự nhiên - Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon	2399
23	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
24	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
26	Sản xuất giày dép	1520
27	Bán buôn vãn, hàng may sẵn, giày dép	4641
28	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4771

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981.

Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, Bộ Thương mại kỹ

quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 và 1311/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 chuyển đổi công ty từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, đổi tên là Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại – Vinatranco.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107691 đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 07 năm 2005 và giấy đăng ký thay đổi lần 18 ngày 09 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức	Ghi chú
Khi thành lập (21/07/2005)	16.000.000.000			
Đợt 1 (11/08/2008)	18.080.000.000	2.080.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 12% Phát hành cổ phiếu thưởng cho lao động xuất sắc: 16.000 cổ phiếu	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 ngày 26/04/2008
Đợt 2 (06/07/2010)	23.504.000.000	5.424.000.000	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10:3	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II

Địa chỉ: 52 Trần Khánh Dư, P Máy Tơ, Q Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Điện thoại: +84-31-3836607

Fax: +84-31-3836168

Hoạt động: Kinh doanh sản xuất dầu mỡ, dịch vụ giao nhận vận chuyển, cho thuê kho bãi

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại Bình Dương

Địa chỉ: 1/555 Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 2, P Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương.

Điện thoại: +84-0274-3721 004

Fax: +84-0274-3718 699

Hoạt động: Kinh doanh sản xuất dầu mỡ, phụ tùng, sẫm, lốp ô tô; dịch vụ giao nhận vận chuyển, cho thuê kho bãi

Công ty Cổ phần Dầu nhờn CNLUBE Việt Nam

Địa chỉ: 20 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh mặt hàng dầu mỡ, dung môi, hóa chất và gỗ đơ Doussie

Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết: 100%

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Biểu đồ 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần gồm:

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng giám đốc;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

HĐQT của Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị là 5 năm, thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Văn Xuân | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đỗ Trường Giang | Thành viên HĐQT |
| - Ông Ngô Quang Việt | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Kim Cương | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Hoàn | Thành viên HĐQT |

3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban kiểm soát hiện có ba (03) thành viên và cơ cấu như sau:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| - Bà Vũ Thị Thơm | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Hà Quang Tuấn | Thành viên |
| - Ông Phan Ngọc Tân | Thành viên |

3.4. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

Danh sách Ban Tổng giám đốc của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Kim Cương | Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Thìn | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Lê Văn Nam | Giám đốc Chi nhánh Bình Dương |
| - Ông Lại Hợp Điền | Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng |

3.5. Các bộ phận, phòng ban trực thuộc

Các phòng nghiệp vụ: 05 phòng, bao gồm:

- + Phòng tổ chức hành chính
- + Phòng tài chính kế toán
- + Phòng Kinh doanh Dầu mỡ - Dung môi - Hóa chất
- + Phòng xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải
- + Phòng kinh doanh kho

➤ Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện những nhiệm vụ về công tác Tổ chức hành chính của các đơn vị trực thuộc Công ty và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

Công tác Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương.

- Nghiên cứu đề xuất phương án về tổ chức bộ máy của Công ty cho phù hợp với sự phát triển của đơn vị qua từng thời kỳ;
- Nghiên cứu và nắm vững quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty đảm bảo cho hoạt động Công ty luôn phù hợp với Pháp luật;

- Thực hiện công tác lao động, tiền lương; công tác cán bộ và quy hoạch cán bộ của Công ty, tuyển dụng đào tạo lao động, theo dõi ký hợp đồng lao động, quản lý, điều động, chuyển chuyển người lao động;
- Quản lý hồ sơ cán bộ, giải quyết chế độ cho người lao động: nâng lương, chuyển xếp ngạch, nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, độc hại, nghỉ ốm, thai sản và phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước;
- Theo dõi việc xét nâng lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật;
- Thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Thanh toán lương cho khối Văn phòng, đề xuất tiền thưởng cho toàn công ty.
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định cho công ty và giám sát việc chấp hành các nội quy đó
- Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, lập kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kế hoạch tài chính hàng năm về vấn đề đào tạo
- Thực hiện công tác kiểm tra PCCC, PCI.B, thanh tra, bảo vệ
- Thực hiện giải quyết các đơn từ, thanh tra, khiếu nại
- Tổ chức, phối hợp và hỗ trợ các bộ phận khác để thực hiện công việc do Ban lãnh đạo phân công.

Công tác hành chính quản trị

- Đánh máy tài liệu, văn bản theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty, chuyển công văn đi đến, lưu giữ hồ sơ tài liệu, quản lý và sử dụng con dấu theo quy định.
- Sắp xếp, bố trí phòng làm việc và các công trình phục vụ CBCNV làm việc tại Văn phòng.
- Quản lý việc sử dụng xe con, điện, nước, điện thoại, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm của Văn phòng công ty.
- Lập kế hoạch xây dựng đầu tư cơ bản toàn công ty, thực hiện sửa chữa nhà cửa, kho bãi...
- Quản lý quỹ tiền mặt và trực tiếp thu chi tiền mặt của công ty theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước và qui chế của công ty.
- Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại: tiếp nhận, tổng hợp thông tin, xử lý các thông tin theo chức năng, quyền hạn của phòng
- Tổ chức hội nghị và các buổi khánh tiết của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính kế toán**

Phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác TCKT của Công ty và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

Công tác tài chính kế toán

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính. Phối hợp với các bộ phận có liên quan lập kế hoạch cân đối nguồn vốn sử dụng và sử dụng đạt hiệu quả cao. Chủ động đảm bảo vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán. Tổ chức bảo quản, lưu giữ chứng từ, hồ sơ kế toán theo quy định của Pháp luật và Công ty.;
- Ghi chép, hạch toán trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình SXKD. Hạch toán chi phí theo từng khâu nghiệp vụ kinh doanh và theo phòng chức năng để phục vụ cho công tác phân tích hoạt động kinh tế và thực hiện khoán khi đủ điều kiện.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm chế độ tài chính, kế toán;
- Theo dõi việc mua bán cổ phiếu, tính lãi và trả cổ tức theo quy định.
- Lập báo cáo tài chính theo chế độ hiện hành. Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình tài chính của Công ty theo yêu cầu của cá nhân và tổ chức có thẩm quyền.
- Quản lý quỹ trên sổ sách, theo dõi tồn quỹ bằng tiền mặt, cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ khác có giá trị bằng tiền. Theo dõi tồn kho và phối hợp với các phòng KD đối chiếu xác nhận công nợ, đốc thúc thu hồi công nợ, đánh giá rủi ro về công nợ phải thu, trị giá hàng hóa tồn kho định kỳ theo quy định
- Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong việc thuê Công ty kiểm toán, tư vấn tài chính nhằm cung cấp số liệu kế toán chính xác, trung thực, đúng pháp luật.
- Tham gia vào việc phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên các số liệu tài chính kế toán nhằm mục đích xác định được nguồn dự trữ tài chính nội bộ, giảm thiểu các chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thực hiện trích lập các quỹ theo qui định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Công tác quản lý, kiểm tra

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nghiệp vụ kế toán, tài chính và quản lý tài sản của Công ty theo đúng Pháp luật hiện hành và các qui định quản lý tiền hàng của Công ty.
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về nghiệp vụ ghi chép, hạch toán kế toán và thực hiện chế độ báo cáo đúng chế độ và thời gian quy định.
- Thực hiện việc kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị chi nhánh trực thuộc

➤ Phòng Kinh Doanh đầu mở - dung môi - hóa chất

Phòng Kinh doanh dầu mỡ - dung môi - hóa chất thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực dầu mỡ nhờn, dung môi, hoá chất và các dịch vụ thương mại khác có liên quan theo đúng Pháp luật hiện hành với các nhiệm vụ sau:

Công tác kinh doanh dầu mỡ, dung môi, hóa chất

- Khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường, mặt hàng KD trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh các mặt hàng dầu mỡ, dung môi, hoá chất và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ dầu mỏ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng Công ty giao;
- Ngoài nhiệm vụ trên, được kinh doanh những mặt hàng Nhà nước không cấm.
- Công tác quản lý
- Quản lý tốt tiền hàng trong quá trình KD;
- Quản lý khách hàng, giám sát hoạt động kinh doanh, nắm bắt tình hình thị trường để đề xuất và triển khai các phương án kinh doanh, phát triển thị trường phù hợp với thực tế và chiến lược phát triển của Công ty
- Thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và hiệu quả KD của phòng theo từng tháng, quý, năm
- Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý kinh tế, lập chứng từ, hoá đơn gốc theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của phòng Tài chính - Kế toán.
- Đôn đốc thu hồi công nợ, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của khách hàng do phòng quản lý
- Thanh toán kịp thời các khoản tạm ứng của phòng
- Phối hợp với phòng có nghiệp vụ kinh doanh kho để hướng dẫn các khu vực kho về quy hoạch chất xếp, bảo quản hàng hoá dầu mỡ nhờn, dung môi hóa chất của Công ty và của các đơn vị khách hàng có hàng dầu mỡ nhờn gửi tại kho.
- Hướng dẫn, giúp đỡ các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các nghiệp vụ kinh doanh có liên quan.
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng tiếp thị bán hàng cho nhân viên của phòng.
- Đảm bảo nguyên tắc bảo mật trong kinh doanh. Đối với nhân viên vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của công ty.

➤ **Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải**

Phòng xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải và kinh doanh thương mại của công ty. Cụ thể với các nhiệm vụ như sau:

Công tác xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo đúng Pháp luật hiện hành. Chủ động khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh, trực tiếp xuất nhập khẩu và ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa khi có nhu cầu. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng công ty giao;
- Ngoài những nhiệm vụ trên, được kinh doanh những mặt hàng Nhà nước không cấm;

Công tác giao nhận vận tải và kinh doanh thương mại

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực Giao nhận, vận tải và Kinh doanh thương mại, kinh doanh kho bãi, nhà xưởng theo đúng Pháp luật hiện hành. Chủ động khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường KD trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh vận tải; đại lý giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; đại lý làm thủ tục hải quan; vận tải quá cảnh, chuyển khẩu, môi giới tàu biển, dịch vụ cảng; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hợp đồng Công ty giao.

Công tác quản lý, kiểm tra

- Quản lý tiền hàng trong quá trình kinh doanh, quản lý và chỉ đạo các khâu kinh doanh Giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại, kinh doanh kho bãi ở VPCT và các đơn vị trực thuộc
- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các công việc liên quan đến việc kinh doanh kho như: Hiệu suất cho thuê kho, chất xếp, bảo quản hàng hóa... Phối hợp với các phòng liên quan xây dựng, hoàn thiện qui định nhập, xuất, bảo quản hàng hóa tại các khu vực kho.
- Thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh theo từng lô hàng và theo từng tháng, quý, năm
- Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý kinh tế, lập chứng từ, hóa đơn gốc theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của phòng Tài chính kế toán.
- Đôn đốc thu hồi công nợ, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của khách hàng do phòng quản lý
- Kiểm tra, quản lý giám sát các hợp đồng xuất nhập khẩu toàn công ty. Hướng dẫn, chỉ đạo giúp đỡ, phối hợp với các phòng ban công ty, các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các nghiệp vụ kinh doanh có liên quan.

➤ Phòng Kinh doanh kho:

- Chịu trách nhiệm trước TGD về toàn bộ khách thuê kho, kinh doanh và khai thác kho của Công ty (Khu vực Mạc Thị Bưởi, Trâu Quỳ, Đông Anh, Hải Phòng)
- Quản lý hàng hóa, hoạt động nhập xuất tại các kho Trâu Quỳ, Đông Anh, Mạc Thị Bưởi
- Kiểm tra, thực hiện công tác kiểm soát chi phí hoạt động của kho, giám sát thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, vệ sinh, phòng chống lụt bão tại các kho.
- Quan hệ đối ngoại với công an khu vực, cán bộ phường, xã tại các khu vực kho.

➤ **Chi nhánh Kho vận và DVTM tại Bình Dương**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao.
- Tìm kiếm thị trường, mở rộng mặt hàng kinh doanh trong và ngoài nước
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh các mặt hàng dầu mỡ, dung môi, hoá chất và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ dầu mỏ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng Công ty giao.
- Đôn đốc thu hồi công nợ và chịu trách nhiệm các khoản nợ của khách hàng mà Chi nhánh quản lý.
- Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả theo đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.
- Quản lý sử dụng lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và quy định về phân cấp quản lý của Công ty, thực hiện chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, bảo vệ môi trường, giữ vững trật tự trị an.

➤ **Chi nhánh Công ty CP kho vận và DVTM Hải Phòng II**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao
- Kinh doanh các loại mặt hàng theo nhiệm vụ của Công ty mà Nhà nước không cấm
- Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, cho thuê văn phòng.
- Đại lý làm thủ tục hải quan, giao nhận vận tải, làm các dịch vụ hàng hải, môi giới thuê đầu, đại lý tàu biển
- Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.

➤ **Công ty Cổ phần Dầu nhờn CNlube**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao.
- Kinh doanh dầu nhờn CNlube.
- Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần thời điểm 07/05/2020

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
1	Nguyễn Văn Xuân	111550270	Phòng 1402 tòa nhà MD Complex đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	1.171.519	49,84%
Tổng cộng				1.171.519	49,84%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, các hạn chế với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Từ lúc CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại thành lập (21/07/2005) đến nay đã quá thời hạn 03 năm nói trên, nên bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập nữa.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 07/05/2020

TT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu (triệu đồng)	% sở hữu	Số cổ đồng
1	Cổ đông trong nước	2.350.400	23.504.000.000	100	107
	Tổ chức	0	0	0	0
	Cá nhân	2.350.400	23.504.000.000	100	105
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0	0
Tổng cộng		2.350.400	23.504.000.000	100	107

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

5.1. Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần VINATRANCO: Không có

5.2. Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN CNLUBE VIỆT NAM

Địa chỉ: 20 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: +84-31-3836607

Fax: +84-31-3836168

5.3. Công ty liên doanh, liên kết

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Từ ngày hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành tăng vốn 02 lần từ 16.000.000.000 đồng lên 23.504.000.000 đồng, cụ thể:

Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty từ khi thành lập đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 3 : Quá trình 02 lần tăng vốn

TT	Thời gian phát hành	Loại phát hành	VĐL trước phát hành (triệu đồng)	VĐL sau phát hành (triệu đồng)	SL cổ đông trước phát hành (Cổ đông)	SL cổ đông sau phát hành (Cổ đông)
1	08/2008	Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu Phát hành cho lao động xuất sắc	16.000	18.080	194	195
2	11/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	18.080	23.504	174	174

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm/dịch vụ chính

7.1.1. Giới thiệu sản phẩm/dịch vụ chính

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Giao nhận vận chuyển: Công ty kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế mà chủ yếu là làm Logistics
- Kho bãi: Công ty tiền thân là Cục Kho vận của Bộ thương mại cho nên hệ thống kho bãi kinh doanh hiện Công ty đang quản lý đều là những kho bãi đã hoạt động lâu năm, từ ngày là công ty nhà nước cho đến nay cho nên có rất nhiều thuận lợi về ưu đãi, kinh nghiệm.
- Kinh doanh thương mại: Công ty kinh doanh dầu mỡ, dung môi và hóa chất, kinh doanh lốp ô tô các loại,.... Công ty là nhà phân phối dầu nhờn PTT của tập đoàn dầu khí Thái Lan tại Việt Nam ngoài ra còn là nhà nhập khẩu các mặt hàng dầu hóa dẻo cao su lớn tại UAE và các nước khác.

✦ **Dịch vụ giao nhận vận tải**

VINATRANCO cung cấp đến khách hàng các dịch vụ:

- + Thủ tục hải quan, giao nhận, đại lý hải quan
- + Vận chuyển hàng trong nước, quốc tế bằng nhiều hình thức
- + Gom hàng lẻ, giao hàng tận nơi, đại lý phân phối

• **Vận chuyển đường không**



Vinatranco cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường hàng không từ Việt Nam đến toàn thế giới và ngược lại cho mọi loại hàng hóa thông qua việc hợp tác với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới với tần suất bay cao, tải trọng lớn và bay đến hầu hết mọi sân bay. Vận chuyển đường không có nhiều dịch vụ đa dạng như: airport-airport, door-airport, airport-door, door-door với những ưu điểm sau:

Cung cấp các giải pháp tối ưu nhất và với chi phí thấp nhất để đáp ứng những nhu cầu khẩn trương của khách hàng.

Vận chuyển đa phương thức kết hợp đường biển với đường hàng không, đường hàng không với đường hàng không giúp khách hàng vừa tiết giảm chi phí vừa có được dịch vụ vận chuyển nhanh nhất, hiệu quả nhất.

- **Vận chuyển đường biển**



Vinatranco cung cấp đầy đủ các dịch vụ vận chuyển đường biển cho khách hàng có hàng hóa đi và đến các cảng biển Việt Nam gồm có: hàng nguyên container FCL; hàng lẻ LCL; hàng siêu trường, siêu trọng; giao vận chuyển hàng với tất cả các điều kiện vận chuyển được quy định trong incoterm 2010; nhờ thu cước.

- **Vận chuyển đường bộ - logistics**



Dịch vụ logistics cho hàng xuất - nhập khẩu gồm có: Khai thuê Hải quan; thủ tục xuất nhập khẩu; giao nhận hàng triển lãm và công trình; giao hàng hóa tận nhà (door to door services); đóng gói bao bì hàng hóa; tư vấn xuất nhập khẩu; thủ tục chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa (C/O); bảo hiểm, hun trùng, kiểm văn hóa,...; Xuất/nhập khẩu ủy thác; đóng kiện các loại hàng hóa; hàng chuyển cảng (từ các cảng chính tại TP HCM – Hải Phòng – Đà Nẵng) đi các tỉnh; làm thủ tục cho hàng quá cảnh đi Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Dịch vụ hàng hóa thiết bị XNK và nội địa bao gồm: Thực hiện các công việc giao nhận vận chuyển tập trung về kho, bảo quản, phân loại và tổ chức vận chuyển, bốc dỡ, giao nhận đến các địa điểm được yêu cầu, thu chi hộ cho chủ hàng ... thông qua hệ thống kho bãi đủ tiêu chuẩn và chương trình phần mềm quản lý theo yêu cầu của các công ty đa quốc gia.

Dịch vụ kho thường/kho ngoại: Đại lý lưu kho và phân phối hàng hóa; Kinh doanh kho ngoại quan và dịch vụ giao nhận của kho ngoại quan

Dịch vụ vận chuyển: Vận chuyển container và hàng rời; Di dời văn phòng, nhà xưởng và tài sản cá nhân; Vận chuyển hàng quá cảnh Lào, Campuchia, Trung quốc

Dịch vụ quản lý hàng thế chấp cho các ngân hàng thương mại

✦ **Dịch vụ kho bãi**

Với nhiều năm kinh nghiệm, Vinatranco cung cấp các dịch vụ kho ngoại quan và toàn bộ các dịch vụ về kho chứa hàng cho khách hàng.

Hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực:

Kho bãi	Vị trí	Diện tích
Kho văn phòng của Công ty Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng		15.182,32 m ² + 2.996,7 m ²
Kho Đồng Anh		15.279 m ²
Kho Trâu Quỳ		7.195 m ²
Kho chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Bình Dương		3.205,7 m ²

<p>Kho chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Hải Phòng II</p>		<p>3.635,79 m²</p>
<p>Kho Công ty TNIHH một thành viên miền Bắc</p>		<p>2.845 m²</p>

Hệ thống kho bãi nằm gần các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng.

Nằm tiếp giáp với cảng ở Cát Bà - Hải Phòng, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu tại cảng.

Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp Bình Dương, Vinatranco đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng Vinatranco trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.

✦ **Kinh doanh dầu mỡ**

Vinatranco là nhà phân phối chính thức các loại sản phẩm dầu PTT với 2 dòng sản phẩm là dầu cho phương tiện và dầu công nghiệp

○ Dầu cho phương tiện



Dầu nhớt cho động cơ Diesel tải trọng nặng



Dầu cho máy nông nghiệp



Dầu cho hộp truyền động



Dầu phanh và sản phẩm phụ trợ

○ Dầu công nghiệp



Dầu thủy lực



Mỡ bôi trơn

- o Dầu hóa dẻo cao su



Dầu cho cao su đen (RPO Sunrise)



Dầu cho cao su trắng và cao su màu

- o Dung môi công nghiệp



Dung môi cao su APF 80/100



Các sản phẩm dung môi chuyên dụng khác

7.1.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm của Công ty

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2019		Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	143.816	88,11	142.521	88,13	29.842	83,73
Cung cấp dịch vụ	19.403	11,89	19.191	11,87	3.794	11,27
Doanh thu bán hàng và CCDV	163.219	100	161.712	100	33.636	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty mẹ là kinh doanh dầu nhờn, dung môi hóa dẻo, chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý theo lĩnh vực kinh doanh.

Doanh thu được chia thành doanh thu từ bán hàng và doanh thu từ cung cấp dịch vụ, trong đó mảng bán hàng luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty mẹ (trên 88% tổng doanh thu). Tuy nhiên nắm bắt được nhu cầu của thị trường về các dịch vụ vận tải, kho bãi, những năm gần đây Công ty mẹ đang từng bước mở rộng, phát triển nhằm phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực này.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	2018		2019		Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	146.126	88,28	144.898	88,30	32.808	89,61
Cung cấp dịch vụ	19.403	11,72	19.191	11,70	3.802	10,39
Doanh thu bán hàng và CCDV	165.529	100	164.089	100	36.610	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Cơ cấu doanh thu của công ty tương đối đơn giản khi chỉ phân chia doanh thu là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các mảng dịch vụ cung cấp như cho thuê kho bãi, kinh doanh xâm lốp, dầu mỡ nhớt,..... Trong đó, doanh thu bán hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu hợp nhất bán hàng và cung cấp dịch vụ với tỷ trọng lần lượt là 88,28% (năm 2018) và 88,30% (năm 2019).

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Chi tiêu	Đơn vị	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	163.219	161.712	(0,92)	33.636
Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	143.816	142.521	(0,90)	29.842
Cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	19.403	19.191	(1,09)	3.794
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	37.510	39.323	4,83	11.479
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/ DTT	%	22,98	24,32	5,81	34,13

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	165.529	164.089	(0,87)	36.610
Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	146.126	144.898	(0,84)	32.808
Cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	19.403	19.191	(1,09)	3.802
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	40.189	40.580	0,97	11.973
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/ DTT	%	24,28	24,73	1,86	32,71

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

So với năm 2018, chi phí bán hàng và quản lý công ty tăng nhưng giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ lại giảm trong năm 2019. Điều này dẫn đến, doanh thu thuần giảm nhẹ, giảm 0,87% so với năm 2018 và lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ của Công ty có xu hướng tăng nhẹ, tăng 0,97% so với năm 2018.

7.1.3. Doanh thu lợi nhuận năm 2018, 2019

➤ Doanh thu

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2019		% tăng giảm	Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.219	99,83	161.712	99,999	(0,92)	33.637	99,998
DT hoạt động tài chính	2	0,00	2	0,001	-	1	0,002
Doanh thu khác	276	0,17	0.3	0,000	(99,89)	-	-
Tổng cộng	163.497	100	161.714	100	(1,09)	33.638	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Với đặc thù của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại do đó doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn là nguồn cung cấp đem lại doanh thu chính trong tổng doanh thu của Công ty mẹ. Doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, không có nhiều đóng góp trong kết quả kinh doanh. Trong

đó, thu nhập khác chủ yếu đến từ thu các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ và thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	2018		2019		% tăng giảm	Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.529	99,82	164.089	99,98	(0,9)	36.610	99,998
DT hoạt động tài chính	16	0,01	25	0,02	56,3	1	0,002
Doanh thu khác	276	0,17	0,3	0,00	(99,9)	-	-
Tổng cộng	165.821	100	164.114	100	(1,03)	36.611	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Trong cả 2 năm 2018, 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm trên 99% tổng doanh thu của toàn Công ty và có xu hướng tăng trong cơ cấu năm 2019 và 9 tháng năm 2020. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ lệ không đáng kể, không có nhiều đóng góp trong kết quả kinh doanh của công ty.

Năm 2020, mặc dù chịu tác động từ dịch Covid - 19 nhưng với định hướng đúng đắn, doanh thu tăng trưởng ổn định theo đúng kế hoạch đề ra.

➤ **Lợi nhuận**

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	37.510	39.323	5	11.479
Lợi nhuận từ HĐ tài chính	(4.036)	(2.166)	(46)	(179)
Lãi/ (Lỗ) khác	261	(499)	(291)	(183)
Tổng	33.735	36.658	9	11.117

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Cũng giống như cơ cấu của doanh thu thì cơ cấu của lợi nhuận cũng chủ yếu đến từ lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong giai đoạn 2018 - Quý 3 năm 2020, hoạt động tài chính ghi nhận lỗ nguyên nhân là do chi phí lãi vay lớn.

Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	40.189	40.580	0,97	11.973
Lợi nhuận từ HĐ tài chính	(4.347)	(2.207)	(49,23)	(325)
Lãi/ (Lỗ) khác	137	(498)	(463,50)	(183)
Tổng	35.979	37.875	5,27	11.465

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Năm 2019, Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ có xu hướng tăng nhẹ, tăng 0,97% so với năm 2018. Khoản lãi/lỗ khác năm 2019 giảm mạnh là do khoản phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính tăng 152% so với năm 2018 đồng thời năm 2018 ghi nhận khoản thu từ thanh lý bán tài sản và khoản nợ khó đòi đã được xóa sổ.

7.1.4. Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào

Việc lựa chọn nhà cung cấp yếu tố đầu vào đảm bảo chất lượng tốt, có trữ lượng dồi dào, ổn định nhưng chi phí giá vốn hợp lý, vị trí địa lý không quá xa luôn là bài toán tối ưu đối với bất cứ đơn vị nào.

Nguồn nguyên liệu và các yếu tố đầu vào của hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty là nguồn hàng dầu mỡ nhờn nhập khẩu từ thị trường UAE, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Đây là các thị trường có nền kinh tế phát triển tốt và ổn định, được đánh giá là đơn vị cung cấp nguồn hàng tương đối phù hợp và giúp Công ty luôn hoạt động một cách ổn định nhất.

7.1.5. Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 12: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2019		% tăng giảm	Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT		Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	125.709	79,62	122.389	78,40	(2,6)	22.158	69,30
CP quản lý DN	5.241	3,32	7.513	4,81	43,4	785	2,46
CP tài chính	4.038	2,56	2.168	1,39	(46,3)	180	0,56
CP bán hàng	22.893	14,50	24.040	15,40	5,0	8.850	27,68
Tổng cộng	157.881	100	156.110	100	(1,1)	31.973	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)
Bảng 13: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2019		% tăng giảm	Quý 3 năm 2020	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT		Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	125.340	78,49	123.509	77,90	(1,46)	24.636	70,50
CP quản lý DN	5.448	3,41	7.790	4,91	42,99	959	2,74
CP tài chính	4.363	2,73	2.333	1,47	(46,53)	326	0,93
CP bán hàng	24.547	15,37	24.911	15,71	1,48	9.026	25,83
Tổng cộng	159.698	100	158.543	100	(0,72)	34.947	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Chi phí hoạt động của Công ty bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí bán hàng.

Là doanh nghiệp kinh doanh thương mại, giá vốn hàng bán luôn là chi phí lớn nhất trong cơ cấu chi phí Công ty, xấp xỉ 78% trong 2 năm 2018 -2019. Doanh thu từ hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng lớn, do đó, chi phí cho việc bán hàng cũng chiếm tỷ trọng khá (tỷ trọng cao thứ 2) trong cơ cấu chi phí, sau giá vốn hàng bán.

Năm 2019, mặc dù chi phí quản lý DN tăng nhanh, tăng 42,99% so với năm 2018 do chi phí khấu hao tài sản tăng và nợ lãi chậm nộp vốn cổ phần từ năm 2005 đến năm 2011 theo công văn số 1105/ĐTKDV-TCKT ngày 15/06/2019 của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nhưng giá vốn bán hàng và đặc biệt chi phí tài chính giảm mạnh (lần lượt là -1,46% và -46,537%) dẫn đến tổng chi phí của Công ty có xu hướng giảm nhẹ, giảm 0,72% so với năm 2018. Công ty đang từng bước kiểm soát, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty

7.2.1. Trình độ công nghệ

Toàn bộ hàng hóa công ty nhập khẩu là hàng đã được đóng trong các thùng Phuy thép và các can thép và can nhựa có đầy đủ tem mác, mã code và mã vạch đầy đủ của nhà Cung cấp.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc của công ty tương đối phù hợp và đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh trong thời điểm hiện tại do được đầu tư trong giai đoạn gần đây theo những công nghệ mới. Bên cạnh đó công ty áp dụng triệt để quy trình quản lý chất lượng, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh nghiệp vụ kho bãi, giao nhận vận chuyển, container.

7.2.2. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

Công ty thường xuyên quan tâm đầu tư và thực hiện công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng cao, có tính năng sử dụng phù hợp với nhu cầu của thị trường, của khách hàng.

Chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty tập trung vào các mục tiêu lớn:

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc gia, Quốc tế và được đăng ký, công bố với khách hàng.
- Sản phẩm có chất lượng cao tương đương với các hãng đầu nhòn quốc tế và thay thế hàng nhập ngoại.
- Mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm.

Trong những năm qua, Công ty thường xuyên cho nhân viên đi nghiên cứu nhu cầu khách hàng để phát triển thị trường, xem nhu cầu để mở các sản phẩm đầu mới

7.2.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Tất cả các sản phẩm, hàng hóa của Vinatranco đều được kiểm tra chất lượng chặt chẽ trong tất cả các công đoạn nhập hàng, bảo quản, phân phối vận chuyển,...

Công ty thường xuyên mang các sản phẩm đầu đi các viện nghiên cứu để test chất lượng hàng, và thường xuyên kiểm tra hàng khi hàng về và có yêu cầu của khách hàng. Dịch vụ thường xuyên hỏi khách hàng và lấy ý kiến về dịch vụ thuê kho và logistics.

7.3. Hoạt động marketing

Bộ phận marketing của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu, giúp cho Ban Tổng giám đốc trong việc định hướng về thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược marketing phục vụ chiến lược kinh doanh cho toàn công ty.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân tích cơ hội kinh doanh và đối thủ cạnh tranh.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Xây dựng và phát triển các hoạt động quan hệ công chúng (PR)
- Định hướng chiến lược Sales - Marketing trong từng giai đoạn phù hợp với diễn biến thị trường.
- Tổ chức các hoạt động marketing, hội nghị, hội thảo, chương trình đào tạo, đề xuất và tham gia các hội chợ trong và ngoài nước.
- Xây dựng các chương trình khuyến mại
- Nghiên cứu nhu cầu khách hàng, xây dựng sản phẩm dịch vụ mới có yếu tố riêng biệt nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao hơn
- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin và website Công ty.

Chiến lược Marketing và truyền thông thương hiệu:

- Sản phẩm: Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm dịch vụ do Vinatranco cung ứng. Phát triển thêm sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Giá cả: Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, bên cạnh đó Công ty luôn tối ưu hóa chi phí, đảm bảo cung cấp cho khách hàng dịch vụ với mức giá hợp lý, cạnh tranh.
- Phân phối: Hệ thống phân phối ngày càng được mở rộng, luôn bên cạnh khách hàng, làm cho khách hàng luôn cảm thấy hài lòng, thuận tiện và dễ dàng.
- Thường xuyên thực hiện các chương trình marketing như tặng áo và các chương trình khác nhằm phát triển thị trường bán hàng.... Thực hiện quảng bá thương hiệu Vinatranco trên các báo, tạp chí chuyên ngành, quảng bá trực tuyến trên các website.
- Con người: Công ty tự hào với đội ngũ Cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, không ngừng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên hơn nữa thông qua các chương trình đào tạo.

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhân hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Logo:





Biểu tượng logo hình cầu elip màu xanh trên nền trắng, ở giữa có chữ Vinatranco màu đỏ, chữ V cách điệu hình chim lạc cổ.

7.5. Các hợp đồng đã được ký kết và đang được thực hiện

Bảng 14: Các hợp đồng đã được ký kết và đang thực hiện

TT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Nội dung	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời hạn
1	Công ty CP Cao su Sao Vàng	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	Các sản phẩm dầu mỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	13.200	1 năm
2	Công ty TNHH Cao su Inoue VN	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	Dầu công nghệ hóa dẻo cao su	34.800	1 năm
3	Công ty TNHH Cao su Nhựa Thanh Bình	Số 18 Tân Tạo, KCN Tân Tạo, Q Tân Bình, HCM	Các sản phẩm dầu mỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	6.000	1 năm
4	Công ty CP thương mại và dịch vụ y tế Việt	Số 30 ngõ 136 Trung liệt, P Trung liệt, Q Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải	4.200	1 năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất
- 8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Tổng giá trị tài sản	72.787	68.520	(5,86)	64.875
Vốn chủ sở hữu	28.302	28.081	(0,78)	27.452
Doanh thu thuần	163.219	161.712	(0,92)	33.637
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.340	5.604	4,94	1.664
Lợi nhuận khác	261	(498)	(290,80)	(183)
Lợi nhuận trước thuế	5.602	5.106	(8,85)	1.481
Lợi nhuận sau thuế	4.481	4.015	(10,40)	1.185
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư chủ sở hữu bình quân %	15,89	14,24	-	4,31

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)
Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm	Quý 3 năm 2020
Tổng giá trị tài sản	72.488	69.268	(4,44)	66.160
Vốn chủ sở hữu	28.393	28.138	(0,90)	27.509
Doanh thu thuần	165.529	164.088	(0,87)	36.610
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.847	5.571	(4,72)	1.664
Lợi nhuận khác	137	(498)	(463,50)	(183)
Lợi nhuận trước thuế	5.984	5.072	(15,24)	1.481
Lợi nhuận sau thuế	4.864	3.981	(18,15)	1.185
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư chủ sở hữu bình quân %	17,3	14,08	-	4,27

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với sản phẩm dầu nhớt là chính do đó tài sản ngắn hạn của Công ty chiếm chủ yếu trong tổng tài sản, trên 70% giá trị tổng tài sản. Năm 2019, Tổng tài sản của Công ty giảm chủ yếu do hàng tồn kho giảm 22% so với năm 2018, cho thấy luân chuyển hàng hóa của Công ty tốt hơn.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN



Trong giai đoạn 2018 đến quý 1 năm 26 tháng đầu năm 2020, nguồn vốn của Công ty chủ yếu được huy động từ nguồn nợ phải trả, nợ phải trả hay nợ ngắn hạn của Công ty luôn chiếm trên 50% tổng nguồn vốn. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, tỷ trọng của nợ phải trả đã giảm dần khi ban lãnh đạo Công ty đã dần thấy được ưu thế của nguồn vốn đến từ chủ sở hữu là nguồn vốn bền vững, ổn định giúp công ty chủ động hơn trong việc phát triển, mở rộng quy mô hoạt động một cách thuận lợi, hiệu quả và bền vững hơn.

So với năm 2018, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận năm 2019 có xu hướng giảm. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân sau:

- + Công ty triển khai chính sách quản lý công nợ, đánh giá chặt chẽ khả năng tài chính của đối tác trước khi ký kết hợp đồng cung ứng hàng;
- + Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt đồng thời nhu cầu khách hàng ngày càng tăng và đa dạng nên một số khách hàng đã chuyển sang các nhà cung ứng khác;
- + Tiền thuê đất tại Đông Anh tăng gấp 2 lần, các chi phí PCCC và chi phí khác tăng từng năm;
- + Trong năm năm 2019 công ty có chi phí bị phạt do chậm đăng ký lên sàn với số tiền là 350 triệu đồng;
- + Để duy trì và giữ khách hàng công ty thực hiện chính sách giảm giá bán hàng

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

8.2.1. Nhân tố thuận lợi

- ❖ **Nhân tố từ môi trường kinh doanh**

- Nền kinh tế trong nước đang trong xu thế tăng trưởng, lãi suất ngân hàng ổn định hỗ trợ quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp.
 - Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với dầu mỡ nhờn, logistic ngày càng tăng cao.
 - Bên cạnh đó, Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và các địa phương nơi Công ty có chi nhánh và kho bãi (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng,...) và thuận lợi từ vị trí địa lý có thể dễ dàng vận chuyển hàng hoá đến khách hàng với chi phí rẻ.
- ❖ **Nhân tố nội tại của Công ty**
- Công ty đang dần khẳng định thương hiệu và uy tín trên thị trường.
 - Đội ngũ cán bộ, công nhân năng động, chuyên nghiệp, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ kinh doanh đã giúp cho thị trường hoạt động của Công ty ngày càng mở rộng, lợi nhuận tăng trưởng.
 - Chất lượng sản phẩm cung cấp tốt, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường.
 - Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã vạch ra lộ trình phát triển trung và dài hạn của Công ty với các định hướng và mục tiêu rõ ràng. Chiến lược phát triển nhất quán giúp Công ty tập trung nguồn lực, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

8.2.2. Nhân tố khó khăn

❖ **Yếu tố đầu vào phụ thuộc thị trường nhập khẩu**

Giá sản phẩm dầu nhờn phụ thuộc nhiều vào giá từ nhà cung cấp yếu tố đầu vào và biến động thay đổi theo những biến động của giá dầu thế giới. Trong giai đoạn này, tình hình kinh tế, chính trị xã hội liên tục bất ổn mà giá dầu lại là một trong những mặt hàng nhạy cảm với tình hình chính trị của thế giới, do đó giá cả hàng hoá đầu vào cũng có sự biến động bất thường.

❖ **Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt**

Tuy thị trường dầu mỡ bôi trơn, vận tải được đánh giá là hứa hẹn và còn nhiều tiềm năng phát triển, mức độ cạnh tranh trong thị trường cũng tăng tương ứng. Nhìn chung, rào cản gia nhập thị trường này tương đối thấp, do đó, khi nhu cầu thị trường tăng mạnh, số lượng doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cũng tăng theo. Việc các đối thủ cạnh tranh liên tục nâng lực sản xuất đã tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Vinatranco, khiến Công ty gặp một vài khó khăn trong việc nâng giá bán và mở rộng thị trường.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981. Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh

nghiệp nhà nước, ngày 5/11/2004 Bộ Thương Mại ký quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 chuyển thành công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại – Vinatranco. Công ty có hệ thống kho bãi, nhà xưởng, các chi nhánh, các Công ty trực thuộc tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Lĩnh vực hoạt động của Vinatranco là giao nhận vận chuyển, kho bãi, kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp cùng ngành nghề, Vinatranco là một trong số ít các công ty có đầy đủ các dịch vụ nhằm cung ứng cho khách hàng một dịch vụ trọn gói từ khâu sản xuất cho đến khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng, là một trong những đơn vị có hệ thống kho bãi lớn tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương. Với kinh nghiệm hơn 35 năm hoạt động, Vinatranco là thương hiệu uy tín và được nhiều khách hàng lựa chọn. chính, năng lực sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

- ❖ Trong thời đại công nghệ 4.0, ngành logistics đang phát triển mạnh mẽ với những thay đổi vượt bậc.

Hơn ba thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh nhờ sự đóng góp không nhỏ của việc mở cửa thị trường thương mại và đầu tư quốc tế. Trong đó, ngành logistics là một trong những động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Lĩnh vực cũng nhận được nhiều ưu tiên phát triển từ Chính phủ và nhiều đơn vị, hiệp hội chuyên ngành. Hiện nay, Việt Nam là một trong những nền kinh tế mở nhất thế giới với nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, ổn định chính trị, xã hội và sự nhất quán của pháp luật về thương mại. Đây được coi là cơ sở tự nhiên cho các nhà sản xuất cung cấp cho chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhằm đẩy mạnh phát triển, thu hẹp khoảng cách nội bộ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong khu vực, Chính phủ quy hoạch xây dựng và đưa vào vận hành các trung tâm logistics, các khu công nghiệp logistics, cụm logistics; nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông.

Theo Ngân hàng Thế giới, chỉ số hiệu quả logistics (LPI) của Việt Nam trong năm 2018 xếp hạng 39/160, đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN, chỉ sau Singapore (xếp hạng 7) và Thái Lan (xếp hạng 32). Việt Nam xếp hạng cao nhất trong nhóm các nước có thu nhập trung bình thấp. Theo đó, 6 tiêu chí đánh giá LPI đều cải thiện, cho thấy tiềm năng phát triển logistics tại Việt Nam.

Năm 2019, Việt Nam nằm trong số những quốc gia đứng đầu trong bảng xếp hạng Chỉ số logistics các thị trường mới nổi năm 2019

Ranking	Country	Agility Emerging Markets Logistics Index 2019	Domestic Logistics Opportunities	International Logistics Opportunities	Business Fundamentals
1	China	8.87	8.82	9.70	7.12
2	India	7.38	8.09	7.20	6.35
3	UAE	6.16	5.56	5.46	8.89
4	Indonesia	6.09	6.32	5.94	5.94
5	Malaysia	6.00	5.23	5.64	6.39
6	Saudi Arabia	5.71	5.27	6.23	7.67
7	Mexico	5.67	5.34	6.23	5.13
8	Qatar	5.62	5.36	4.85	7.84
9	Turkey	5.56	5.27	5.86	5.49
10	Vietnam	5.48	4.88	6.12	5.31

Mục tiêu đến năm 2025, chỉ số LPI Việt Nam tăng từ 5-10 bậc, hàng loạt nhiệm vụ về nâng cấp hạ tầng logistics, tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao hiệu quả thông quan... được Bộ Công Thương trực tiếp chỉ đạo.

❖ Với ngành dầu mỡ bôi trơn

Nhu cầu về chất bôi trơn công nghiệp cao cấp ở Châu Á sẽ tiếp tục tăng, vì các quy định và công nghệ thông minh – như robot và trí tuệ nhân tạo – sẽ thay đổi bộ mặt của ngành sản xuất. Các nhà sản xuất trong khu vực sẽ tìm cách tối ưu hóa hoạt động của họ và giảm thiểu phí bảo trì, sản phẩm cho dầu công nghiệp trên thị trường được định hình lại. Dầu nhớt cao cấp với ứng dụng chuyên biệt có thể giúp đạt được những mục tiêu tương lai.

Cụ thể hơn, thị trường dầu nhớt công nghiệp của Ấn Độ đang tăng trưởng với tốc độ 3% đến 3,5% hàng năm, chủ yếu là do việc xây dựng mở rộng xảy ra trên khắp đất nước với các dự án cơ sở hạ tầng – khiến nhu cầu tăng vọt.

Với quy mô khá lớn, tốc độ phát triển ổn định, kết hợp với sự thúc đẩy từ chính sách của nhà nước, ngành kho vận, kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tại Việt Nam sẽ có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

9.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

• **Mục tiêu**

- Công ty cổ phần Kho vận và dịch vụ thương mại với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:
- Mục tiêu kế hoạch trong tương lai sẽ đưa Công ty Kho vận và dịch vụ thương mại trở thành một đơn vị uy tín trong lĩnh vực kho vận, vận chuyển, cũng như kinh doanh thương mại các mặt hàng Dầu mỡ, hóa chất. Cung cấp nhiều hơn nữa những mặt hàng đến với các đơn vị trên toàn quốc.
- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong kho bãi cũng như dịch vụ vận tải.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, dầu mỡ. Nâng cao thị phần cung ứng cho các xí nghiệp, nhà máy, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các dự án.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

- **Chiến lược phát triển**

- Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:
 - ✦ Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.
 - ✦ Thực hiện tối ưu hóa các chi phí sản xuất cũng như nâng cao hiệu suất hoạt động của các kho bãi, các đơn vị trực thuộc, thực hiện mở rộng thêm nữa những kho bãi trên toàn quốc, tạo điều kiện cho lưu thông trên khắp đất nước.
 - ✦ Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
 - ✦ Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.

- **Một số biện pháp triển khai cơ bản:**

- a) **Về tổ chức bộ máy, nhân sự:**

Tăng cường công tác tuyển dụng thêm lao động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, mở rộng thị phần dầu mỡ ra các tỉnh miền trung và miền nam. Bồi dưỡng thêm các cán bộ quản lý, tăng cường công tác quản lý và đào tạo trình độ cho các cán bộ.

- b) **Về đầu tư cơ sở vật chất:**

Nghiên cứu quy hoạch tổng thể xây dựng thêm các kho chứa ở các địa bàn tỉnh, cải tạo và mở rộng một số kho chứa hiện có của Công ty nhằm gia tăng chất lượng phục vụ. Thực hiện hoàn thiện các dự án chuyển nhượng các khu đất cho các đối tác. Đầu tư thêm nhiều cơ sở vật chất cho các kho chứa, cải thiện tình hình lưu trữ kho. Đầu tư thêm các phương tiện lưu thông. Cải thiện việc vận chuyển hàng hóa tốt nhất.

- c) **Về công tác kinh doanh thương mại:**

- Chăm dứt mảng kinh doanh lốp tại văn phòng công ty.
- Tập trung vào mảng kinh doanh dầu mỡ nhờn. Thực hiện mở rộng lĩnh vực kinh doanh, nhắm tới phục vụ các khách hàng trực tiếp như các công ty Giấy, cao su, nhựa, vận tải, cơ khí, tàu cá. Mở thêm các kênh phân phối mới qua các kênh đại lý tỉnh.
- Thực hiện hỗ trợ tối đa cho các chi nhánh tại các tỉnh, nâng cao sự tương tác giữa các chi nhánh và văn phòng. Tổ chức thường xuyên các buổi lãnh đạo công ty trực tiếp

cùng các phòng, các đơn vị thăm thường xuyên khách hàng.

d) Về công tác đầu tư

- Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kho vận và chuyên cung cấp các dịch vụ thương mại cho các doanh nghiệp, xí nghiệp, các sản phẩm của Công Ty luôn phải đảm bảo phù hợp và chất lượng nhất đối với các doanh nghiệp. Để có sản phẩm đạt chất lượng ngoài yếu tố con người thì trang thiết bị máy móc nhà xưởng cũng như các khâu vận chuyển là vô cùng quan trọng và thiết yếu. Với nhận thức sâu sắc đó, Công ty sẽ chú trọng công tác đầu tư trang thiết bị máy móc bộ hiện đại, nhà xưởng đạt đủ tiêu chuẩn phù hợp với tình hình công việc trong từng giai đoạn cụ thể; thực hiện mở rộng hơn nữa các chi nhánh, kho bãi để đảm bảo có thể đạt được mục tiếp gia tăng thị phần, đem thương hiệu công ty phủ sóng toàn nước.

e) Về phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ

Tiếp tục đẩy mạnh và nêu cao tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của người Công nhân đường sắt để tạo sức mạnh, vượt mọi khó khăn xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

9.3.2. Sự phù hợp với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với triển vọng phát triển vượt trội về các ngành mà Vinatranco đang cung cấp cùng với định hướng phát triển bền vững của Công ty có thể thấy Vinatranco có cơ hội phát triển bền vững nhờ vào

- + Hệ thống kho bãi cảng lớn và tọa lạc tại các vị trí quan trọng, thuận lợi giao thương.
- + Vinatranco luôn đi đầu trong các hoạt động giao nhận vận tải quốc tế và logistics.
- + Nguồn nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm và được đào tạo bài bản
- + Thương hiệu Vinatranco có uy tín lớn trong lĩnh vực hoạt động của mình.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Bảng 17: Cơ cấu lao động

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ học vấn	56	100%
1. Đại học trở lên	29	52%
2. Cao đẳng – Trung cấp	9	16%
3. Trung học phổ thông	18	32%
Phân theo giới tính	56	100%
1. Nam	42	75%
2. Nữ	14	25%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

10.2. Các chính sách đào tạo lương thưởng, trợ cấp

✓ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi lực lượng lao động giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu công việc đảm nhận.

Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ

✓ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã và tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

11. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất. Việc xác định mức cổ tức chi trả từ lợi nhuận giữ lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty các năm qua

Bảng 18: Tình hình chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2018	15%	Tiền mặt
Năm 2019	15%	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

12. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính,

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm	30/09/2020
Vốn điều lệ	23.504	23.504	-	23.504
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Các quỹ	317	562	77,29	669
LNST chưa phân phối	4.481	4.015	(10,40)	3.279

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 20: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm	30/09/2020
Vốn điều lệ	23.504	23.504	-	23.504
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Các quỹ	414	619	49,52	726
LNST chưa phân phối	4.475	4.015	(10,28)	3.279
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

- b. Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí

liên quan trực tiếp đến việc hình thành các TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Số năm khấu hao TSCĐ như sau:

Bảng 21: Số năm khấu hao TSCĐ

TT	Nhóm tài sản	Số năm khấu hao
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	05-24 năm
2	Máy móc và thiết bị	04-10 năm
3	Phương tiện vận tải	05-20 năm
4	Thiết bị văn phòng	03-05 năm
5	Các tài sản khác	05 năm
6	Phần mềm quản lý	04 năm
7	Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, bản niên 2020 CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại)

c. Mức thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.000.000	11.500.000	12.500.000

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty và để duy trì uy tín trên thị trường của mình, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng 22: Số dư thuế phải nộp của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	30/09/2020
Thuế giá trị gia tăng	189	405	1.386
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.123	1.094	823
Thuế thu nhập cá nhân	505	490	282
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	718	344	3.494
Các khoản phải nộp khác	3	3	3
Tổng cộng	2.538	2.336	5.988

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 23: Số dư thuế phải nộp hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	30/09/2020
Thuế giá trị gia tăng	215	405	1.386
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.123	1.094	823
Thuế thu nhập cá nhân	505	490	282
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	718	344	3.494
Các khoản phải nộp khác	3	3	3
Tổng cộng	2.564	2.336	5.988

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 24: Số dư thuế phải thu Công ty mẹ
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	30/09/2020
Thuế xuất, nhập khẩu	234	70	-
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
Thuế phí khác	-	-	-
Tổng cộng	234	70	2

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)
Bảng 25: Số dư thuế phải thu hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	30/09/2020
Thuế xuất, nhập khẩu	234	70	-
Thuế giá trị gia tăng	-	-	179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3	3	-
Thuế thu nhập cá nhân	5	5	-
Thuế phí khác	-	-	8
Tổng cộng	242	78	187

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)
f. Trích lập các quỹ theo quy định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	30/09/2020
Quỹ đầu tư phát triển	414	619	726

g. Tổng dư nợ vay

Bảng 26: Tổng dư nợ vay công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Lãi suất	2018	2019	% tăng giảm	30/09/2020
Vay và nợ ngắn hạn					
<i>Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hà Nội</i>	7,5	34.759	27.599	(20,60)	20.825
<i>Vay cá nhân</i>	6	260	180	(30,77)	568
Vay và nợ dài hạn					
Tổng cộng		35.019	27.779	(20,67)	21.393

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 27: Tổng dư nợ vay hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Lãi suất	2018	2019	% tăng giảm	30/09/2020
Vay và nợ ngắn hạn					
<i>Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hà Nội</i>	7,5	35.381	27.599	(21,99)	20.825
<i>Vay cá nhân</i>	6	260	480	84,62	568
Vay và nợ dài hạn					
Tổng cộng		35.641	28.079	(21,22)	21.393

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho Vận và DVTM)

h. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm năm 2019/2018	30/09/2020
Phải thu ngắn hạn	22.494	27.254	21,16	26.848
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>21.019</i>	<i>17.902</i>	<i>(14,83)</i>	<i>17.564</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>1.118</i>	<i>6.276</i>	<i>461,36</i>	<i>8.548</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>1.020</i>	<i>3.739</i>	<i>266,57</i>	<i>1.399</i>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(663)</i>	<i>(663)</i>	-	<i>(663)</i>
Phải thu dài hạn	-	-		-
Tổng cộng	22.494	27.254	21,16	26.848

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 29: Các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm 2019/2018	30/09/2020
Phải thu ngắn hạn	22.613	28.178	24,61	28.861
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>21.019</i>	<i>18.817</i>	<i>(10,48)</i>	<i>19.563</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>1.118</i>	<i>6.281</i>	<i>461,81</i>	<i>8.554</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>1.139</i>	<i>3.743</i>	<i>228,62</i>	<i>1.407</i>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(663)</i>	<i>(663)</i>	-	<i>(663)</i>
Phải thu dài hạn				
Tổng cộng	22.613	28.178	24,61	28.861

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Trong giai đoạn 2018-2019 phải thu của Công ty có xu hướng tăng lên (tăng 24,61% so với năm 2018). Cụ thể, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng cao, lần lượt là 461,81% và 228,62% so với năm 2018. Nguyên nhân xuất phát từ đặc thù lĩnh vực kinh doanh của Công ty, để đề phòng giá dầu tăng cao nên trong năm 2019 Công ty tăng khối lượng hàng nhập thanh toán trả trước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động liên quan đến vận tải logistics xuyên nên công ty thực hiện chi trả hộ cho khách hàng dẫn đến khoản phải thu ngắn hạn khác tăng cao. Tuy nhiên, so với năm 2018, khoản khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giảm (giảm 10,48% so với năm 2018) do công ty sát sao trong việc theo dõi và thu hồi công nợ, quản trị công nợ tốt. Điều này cho thấy định hướng đúng đắn của ban lãnh đạo để đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty tăng trưởng ổn định.

Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm 2019/2018	30/09/2020
I. Nợ ngắn hạn	44.485	40.439	(9,10)	37.423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	6.217	5.890	(5,26)	4.623
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	94	5	(94,68)	60
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.538	2.336	(7,96)	5.988
4. Phải trả người lao động	539	1.670	209,83	2.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	46	69	50,00	17
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-		-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	32	2.641	8.153,13	2.832
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	35.019	27.779	(20,67)	21.393
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49		2
II. Nợ dài hạn	-	-		-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-		-
Tổng cộng	44.485	40.439	(9,10)	37.423

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Các khoản trả trước cho người bán: là những khoản Công ty phải ứng trước tiền hàng như dầu nhờn, tiền thuê kho bãi,...

Theo báo cáo công ty mẹ, các khoản phải trả người bán: Các khoản công nợ khách hàng có giá trị lớn bao gồm: CTCP Dầu nhờn CNLube Việt Nam, CT TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Giang, CT TNHH Brenntag Việt Nam,....

Bảng 31: Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm 2019/2018	30/09/2020
I. Nợ ngắn hạn	44.095	41.130	(6,72)	38.651
<i>1. Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>5.139</i>	<i>6.180</i>	<i>20,26</i>	<i>5.313</i>
<i>2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>94</i>	<i>16</i>	<i>(82,98)</i>	<i>351</i>
<i>3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>2.564</i>	<i>2.336</i>	<i>(8,89)</i>	<i>5.988</i>
<i>4. Phải trả người lao động</i>	<i>539</i>	<i>1.736</i>	<i>222,08</i>	<i>2.562</i>
<i>5. Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	<i>46</i>	<i>69</i>	<i>50,00</i>	<i>16</i>
<i>6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>59</i>	<i>2.651</i>	<i>4.393,22</i>	<i>3.012</i>
<i>8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>35.641</i>	<i>28.079</i>	<i>(21,22)</i>	<i>21.393</i>
<i>9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>13</i>	<i>63</i>	<i>384,62</i>	<i>16</i>
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	44.095	41.130	(6,72)	38.651

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,62	0,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	60,83	59,38
Hệ số nợ/VCSH	%	155,30	146,17
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,49	5,72
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,19	3,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
LNST/Doanh thu thuần		2,94	2,43
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)		17,13	14,15
LNST/Tổng tài sản (ROA)		6,71	5,75
LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		3,53	3,39
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.069	1.694

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Hội đồng quản trị****❖ Danh sách Hội đồng quản trị Công ty**

Ông Nguyễn Văn Xuân	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Quang Việt	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT

❖ Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị**Ông Nguyễn Văn Xuân - Chủ tịch HĐQT**

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Văn Xuân
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	18/08/1972
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội
<i>CMND:</i>	111550270, ngày cấp 15/07/2013, nơi cấp: Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội
<i>Trình độ văn hóa:</i>	PTTH 10/10
<i>Quá trình công tác:</i>	
• Từ năm 2006-2010	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• Từ năm 2010- 2017	Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• Từ 2017- nay	Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• 04/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP kho vận và Dịch vụ thương mại
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty CP kho vận và Dịch vụ thương mại
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển Quốc tế Việt Thắng

<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	1.227.930 cổ phần, chiếm 52% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	1.227.930 cổ phần, chiếm 52% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Đỗ Trường Giang - Thành viên HĐQT

<i>Họ và tên:</i>	Đỗ Trường Giang
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	30/09/1980
<i>Nơi sinh:</i>	Kim Bình, Kim Bảng, Hà Nam
<i>CMND:</i>	013270666, ngày cấp 26/03/2010, nơi cấp: Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 3 ngách 43/33/37 ngõ 43 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kế toán
<i>Quá trình công tác:</i>	<ul style="list-style-type: none">• 9/2002 đến tháng 10/2004 Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phương Anh• 11/2004 đến tháng 11/2005 Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Argitech• 12/2005 đến tháng 12 năm 2014 Kế toán viên Công ty CP Kho vận và DVTM• 11/2015- nay Kế toán trưởng Công ty CP Kho vận và DVTM• 04/2018 - nay Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không có
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	22.867 cổ phần, chiếm 0,97% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	22.867 cổ phần, chiếm 0,97% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

Ông Ngô Quang Việt - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Ngô Quang Việt

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1984

Nơi sinh: Hải Dương

CMND: 030084002536, ngày cấp 13/05/2016, nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P1406 ĐN 2 Tòa T1 Chung cư Thăng Long Victory An Khánh, Hoài Đức, HN

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng

Quá trình công tác:

- 2002-2007 Học Đại Học Xây dựng
- 2008-2012 Du học Trung Quốc
- 2013 – 2015 Làm Việc tại Đài Loan
- 2015-2018 Chủ tịch HĐQT trường ngoại ngữ và công nghệ Việt Nam
- 2018- nay
- 06/2020 - nay Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT trường ngoại ngữ và công nghệ Việt Nam

Số CP nắm giữ hiện tại 35.256 cổ phần, chiếm 1.5% vốn điều lệ

✓ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Cá nhân sở hữu: 35.256 cổ phần, chiếm 1.5% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

Ông Nguyễn Văn Hoàn - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Văn Hoàn

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/09/1975

Nơi sinh: Kim Bảng, Hà Nam

CMND: 035075003129, nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P806 Tòa Vimeco, tổ 41 Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế

Quá trình công tác:

- 2001-2005 Đại học thương mại Hà Nội
- 2005-2009 Phó tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
- 2009-2013 Phó tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
- 2013 - 2017 Tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
- 2017 - nay Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Việt Thắng
- 06/2020 - nay Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Việt Thắng

Số CP nắm giữ hiện tại	135.649 cổ phần, chiếm 5,8% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	135.649 cổ phần, chiếm 5,8% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

Ông Nguyễn Kim Cương - Thành viên HĐQT

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Kim Cương
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	14/09/1973
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội
<i>Số hộ chiếu:</i>	001073017097 cấp ngày 05/04/2018 nơi cấp Cục quản lý XNK Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phường Yết Kiêu – TX. Hà Đông - HN
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác:</i>	Làm việc tại Công ty CP Kho vận và DVTM
• 07/1995 - 09/2002	Kế toán viên
• 10/2002 - 7/2005	Phó trưởng phòng TCKT
• 08/2005 - 05/2014	Kế toán trưởng
• 06/2014 - 11/2015	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT
• 12/2016 - 07/2017	Phó TGD Cty CP Kho vận và DVTM kiêm Chủ tịch HĐQT
• 04/2018 - nay	Tổng Giám đốc Cty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Tổng Giám đốc Cty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ hiện tại 72.486 cổ phần, chiếm 3,08% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Cá nhân sở hữu: 72.486 cổ phần, chiếm 3,08% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

13.2. Ban Tổng giám đốc

❖ Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Kim Cương | Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Thìn | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Lê Văn Nam | Giám đốc Chi nhánh Bình Dương |
| - Ông Lại Hợp Điền | Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng |

❖ Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Kim Cương - Tổng giám đốc

(Chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Kim Cương – Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Văn Thìn - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Văn Thìn
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1976
Nơi sinh:	Trảng An, Bình Lục, Hà Nam
Số hộ chiếu:	035076000952 cấp ngày 31/03/2008 Nơi cấp Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	86 Cửa Bắc, Quận Ba Đình, Hà Nội

<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác:</i>	
• 2/2003 - 3/2006	Nhân viên kinh doanh Chi nhánh Bitis Hà Nội
• 4/2006 - 10/2013	Nhân viên kinh doanh Công ty CP Kho vận và DVTM
• 11/2013 - 11/2015	Phó trưởng phòng Kinh doanh đầu nhón và dung môi hóa chất Công ty CP Kho vận và DVTM
• 12/2015 - 3/2018	Trưởng phòng Kinh doanh đầu nhón và dung môi hóa chất Công ty CP Kho vận và DVTM
• 4/2018 đến nay	Phó TGD Cty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Phó TGĐ Cty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	10.692 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	10.692 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ:</i>	
<i>Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ:</i>	0 cổ phần
<i>Những khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không

Ông Lê Văn Nam - Giám đốc Chi nhánh Bình Dương

<i>Họ và tên:</i>	Lê Văn Nam
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	08/05/1980
<i>Nơi sinh:</i>	Tân An, Thanh Hà, Hải Dương
<i>Số hộ chiếu:</i>	040053000003, ngày cấp 12/01/2017, nơi cấp: TP HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh

<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Quận 7, TP HCM
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác:</i>	
• 11/2004-12/2008	Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại miền Nam
• 1/2009-9/2017	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Kho vận và DVTM Miền Nam
• 10/2017 đến nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại Bình Dương
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại Bình Dương
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	31.673 cổ phần, chiếm 1,35% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	31.673 cổ phần, chiếm 1,35% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ:</i>	
<i>Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ:</i>	0 cổ phần
<i>Những khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không

Ông Lại Hợp Điền - Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

<i>Họ và tên:</i>	Lại Hợp Điền
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/07/1980
<i>Nơi sinh:</i>	Đông Vinh, Đông Hưng, Thái Bình
<i>Số hộ chiếu:</i>	034080006680, ngày cấp 14/08/2017, nơi cấp: Cục Cảnh sát
<i>Quốc tịch:</i>	Việt nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh

<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 18 ngõ 79, Bùi Thị Từ Nhiên, Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Hải Phòng
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác:</i>	
• 2006-2009	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Deltal tại Hải Phòng
• 2010-2012	Nhân viên tại Công ty TNHH Vận tải Tùng Xuân
• 2013- nay	- 03/2013 đến 11/2019: Nhân viên tại Công ty Cổ phần Kho vận và DVTM chi nhánh Hải Phòng - 12/2019 đến nay: Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và DVTM chi nhánh Hải Phòng
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và DVTM chi nhánh Hải Phòng
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ:</i>	
<i>Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ:</i>	0 cổ phần
<i>Những khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không

13.3. Ban Kiểm soát

❖ *Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát*

- Bà Vũ Thị Thơm Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Hà Quang Tuấn Thành viên
- Ông Phan Ngọc Tân Thành viên

❖ *Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát*

Bà Vũ Thị Thơm - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: Vũ Thị Thơm
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 26/07/1960

<i>Nơi sinh:</i>	Lĩnh Nam, Thanh Trì, Hà Nội
<i>CMND:</i>	010413940, ngày cấp 30/06/2004, nơi cấp: Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	1P21 phường Tân Mai, HN
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	Làm việc tại Công ty CP Kho vận và DVTM
• 04/1983 - 09/1989	Đoàn xe vận tải Nội thương I
• 10/1989 - 7/2005	Chuyên viên, Xí nghiệp vận tải – Công ty Cp Kho vận và DVTM
• 8/2005 - 07/2015	Chuyên viên, phó tổ trưởng tổ KDTH,CN số 1 - Công ty CP Kho vận và DVTM
• 8/2015 - 04/2018	Trưởng BKS, Công ty CP Kho vận và DVTM
• 05/2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không có
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	20.040 cổ phần, chiếm 0,85% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	20.040 cổ phần, chiếm 0,85% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ:</i>	
<i>Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ:</i>	0 cổ phần
<i>Những khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không

Ông Hà Quang Tuấn - Thành viên

<i>Họ và tên:</i>	Hà Quang Tuấn
<i>Giới tính:</i>	Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/11/1980

Nơi sinh: Việt Trì, Phú Thọ

CMND: 025082000020, ngày cấp 24/09/2010, nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 4 cụm 1, phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2004-2007 Kế toán Công ty TNHH Bình Minh
- 2004-2015 Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 5
- 2015- 31/12/2018 Kế toán trưởng Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
- 04/2018 - nay Trường BKS, Công ty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trường BKS, Công ty CP Kho vận và DVTM

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ hiện tại 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

Ông Phan Ngọc Tân**Thành viên***Họ và tên:*

Phan Ngọc Tân

<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	05/ 04/ 1988
<i>Nơi sinh:</i>	Vĩnh Tuy, Hai Bà trung, Hà Nội
<i>CMND:</i>	001088000373, ngày cấp 17/04/2013, nơi cấp: Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 48 ngách 19/78 phố Lạc Trung – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - HN
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
<i>Quá trình công tác:</i>	Làm việc tại Công ty CP Kho vận và DVTM
• 7/2012 - 12/2016	Chuyên viên, Công ty CP Kho vận và DVTM
• 12/2016 - nay	Trợ lý TGĐ, Công ty CP Kho vận và DVTM
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:</i>	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm trợ lý TGĐ
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ hiện tại</i>	11.800 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	11.800 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ:</i>	
<i>Số lượng cổ phần người liên quan nắm giữ:</i>	0 cổ phần
<i>Những khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không

13.4. Kế toán trưởng

Ông Đỗ Trường Giang

(Chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch của Ông Đỗ Trường Giang – Thành viên Hội đồng quản trị)

14. Tài sản

Bảng 33: Giá trị tài sản của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
TS cố định hữu hình	20.238	9.579	21.040	9.107	19.379	7.422
Nhà cửa vật kiến trúc	11.248	4.472	11.890	4.712	10.229	3.958
Máy móc thiết bị	1.530	170	1.530	49	1.530	25
Phương tiện vận tải	7.237	4.909	7.396	4.339	7.396	3.436
Thiết bị, dụng cụ quản lý	115	23	116	7	116	3
TSCD hữu hình khác	108	5	108	-	108	-
TS cố định vô hình	7.772	7.605	7.772	7.605	7.842	7.676
Quyền sử dụng đất	7.605	7.605	7.605	7.605	7.605	7.606
Phần mềm máy tính	167	-	167	-	237	71
Tổng cộng	28.010	17.184	28.812	16.712	27.221	15.098

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, quý 3 năm 2020 công ty mẹ CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 34: Giá trị tài sản hợp nhất
Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
TS cố định hữu hình	20.238	9.580	21.040	9.107	20.016	7.997
Nhà cửa vật kiến trúc	11.248	4.472	11.890	4.712	10.229	3.958
Máy móc thiết bị	1.530	170	1.530	49	1.530	25
Phương tiện vận tải	7.237	4.910	7.396	4.339	8.033	4.011
Thiết bị, dụng cụ quản lý	115	23	116	7	116	3
TSCĐ hữu hình khác	108	5	108	-	108	-
TS cố định vô hình	7.772	7.605	7.772	7.605	7.842	7.676
Quyền sử dụng đất	7.605	7.605	7.605	7.605	7.605	7.605
Phần mềm máy tính	167		167		237	71
Tổng cộng	28.010	17.185	28.812	16.712	27.858	15.673

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, quý 3 năm 2020 hợp nhất CTCP Kho vận và DVTM)

Tình hình đất đai tính đến thời điểm hiện tại

Bảng 35: Tình hình đất đai

STT	Diễn giải	Diện tích thực tế	Thời hạn thuê	Ghi chú	Mục đích sử dụng
1	Đất tại 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	329,5	50 năm từ 15/10/1993	Giá thuê trả hàng năm	Làm văn phòng
2	Đất tại 20 Mạc Thị Bưởi, IIBT, Hà Nội	2.845	30 năm từ 15/10/1993	giá thuê trả hàng năm	Văn phòng và kho chứa hàng kho vận
3	Đất tại Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	15.279	HĐ thuê 50 năm từ 15/10/1993	Giá thuê cơ 5 năm từ 17/06/2009 đến 17/06/2014	Văn phòng và kho chứa thực phẩm sạch
5	Đất cho diện tích 7195m ² tại Trâu Quỳ, Gia Lâm HN	7.195	HĐ thuê 45 năm từ 01/01/2008	Giá thuê cơ 5 năm từ 25/02/2009 đến 25/02/2014	Làm kho và cơ sở sản xuất
6	Đất cho diện tích 1284m ² tại Bình Minh, Trâu Quỳ, Hà Nội	1.284	Đất thuê hàng năm	Giá thuê trả hàng năm	Làm kho và cơ sở sản xuất
7	Phường Thuận Giao, TX Dĩ An, Bình Dương	3.205,7	Đất lâu năm	467,5m ² đất trồng cây và 2738,2 lâu năm	Đất ở lâu năm cho công nhân
8	16 Trần Khánh Dư, P Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng	3.635,8	20 năm từ 30/11/2000	Trả hàng năm	Làm kho và cơ sở sản xuất
9	P Máy Trai, Ngô Quyền, Hải Phòng	2.996,7	Thuê từ 03/10/2013 đến 2025	Giá thuê cố định 5 năm từ 10/2013	Làm kho và cơ sở sản xuất

10	226 Lê Lai, P Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng	15.182	25 năm từ 01/11/2000	Giá thuê cố định 5 năm từ 30/11/2000	Làm kho và cơ sở sản xuất
----	--	--------	----------------------	--------------------------------------	---------------------------

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho Vận Và Dịch Vụ Thương Mại)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019 và 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tăng giảm so với năm 2019 (%)	Giá trị	Tăng giảm so với năm 2020 (%)
Doanh thu thuần	129.000	-20,23%	141.900	10%
Lợi nhuận sau thuế	3.835	-4,46%	4.250	10,82%
Vốn điều lệ	23.504	-	36.000	53,17%
Tỷ suất LNST/doanh thu thuần	2,97%	-	3%	-
Tỷ suất LNST/vốn điều lệ	16,31%	-	18,08%	-
Cổ tức	10%	-	15%	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho Vận Và Dịch Vụ Thương Mại)

Năm 2020 với diễn biến bất ngờ và phức tạp của đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh và hoạt động chung mọi ngành nghề và doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại cũng khó tránh khỏi những thiệt hại. Cụ thể, doanh thu từ dịch vụ cho thuê kho bãi sụt giảm do khách hàng ngừng sử dụng hoặc xin miễn giảm phí thuê kho bãi. Hoạt động sản xuất và hoạt động xuất nhập khẩu thương mại của nhiều nhà máy, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động nên lượng hàng hóa cần lưu chuyển ít đi dẫn đến việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong chuỗi cung ứng cũng giảm, ảnh hưởng lớn đến dịch vụ dịch vụ vận tải logistics của Công ty. Không những thế việc giá dầu giảm mạnh đã ảnh hưởng mạnh đến ngành kinh doanh dầu mỡ, dung môi, hóa chất của Công ty do các nhà máy sử dụng nguyên liệu này vừa tạm ngừng hoạt động lại vừa yêu cầu được giảm giá thành. Đứng trước những khó khăn đầy, Công ty đã đưa ra các phương án để giảm thiểu các rủi ro kinh tế, trong đó có giảm tối đa các chi phí hoạt động. Chính vì điều đó, kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty, doanh thu thuần giảm nhiều hơn lợi nhuận sau thuế so với năm 2019.

15.2. Căn cứ để đạt được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Trong giai đoạn hiện này, khi mà nền kinh tế ngày càng mở cửa, tăng trưởng về xuất nhập khẩu cũng như nền kinh tế đang ở trong một giai đoạn thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao phát triển thì nhu cầu về kho vận, kho bãi cũng như cho thuê nhà xưởng, văn phòng là một trong những nhu cầu thiết yếu của mỗi doanh nghiệp. Và đó chính là cơ hội lớn cho công ty trong thời gian sắp tới.
- Hiện nay, khi mà các hiệp định về phát triển thương mại được chấp thuận, thì nhu cầu về xuất nhập khẩu của nước ta chắc chắn sẽ tăng cao, thì khi đó, nhu cầu về vận tải tầu biển, dịch vụ cảng cũng như các dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác sẽ tăng cao. Và đó sẽ là điều vô cùng thuận lợi cho công ty khi mà công ty hiện nay cũng đã tích cực đầu tư các kho bãi trên nhiều vùng trên khắp cả nước.
- Nhu cầu về chất bôi trơn công nghiệp cao cấp sẽ tiếp tục tăng, vì các quy định và công nghệ thông minh – như robot và trí tuệ nhân tạo – sẽ thay đổi bộ mặt của ngành sản xuất. Các nhà sản xuất trong khu vực sẽ tìm cách tối ưu hóa hoạt động của họ và giảm thiểu phí bảo trì, sản phẩm cho dầu công nghiệp trên thị trường được định hình lại. Dầu nhớt cao cấp với ứng dụng chuyên biệt có thể giúp đạt được những mục tiêu tương lai.
- Nhu cầu, số lượng phương tiện giao thông, vận tải cũng không ngừng phát triển do đó mức tiêu thụ dầu nhớt cho các phương tiện cũng sẽ là một thị trường đầy tiềm năng
- Công ty có truyền thống nhiều năm trưởng thành và phát triển; hoạt động kinh doanh trong ngành Kho bãi, thương mại; Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh Kho Vận, cũng như kinh doanh phân phối các mặt hàng xấp lớp, các loại phân bón,...
- Với đội ngũ lãnh đạo tài tình, tinh thần đoàn kết lớn mạnh trong công ty, thêm vào đó là những điều kiện thuận lợi trong nền kinh tế cũng như chính sách. Công Ty hoàn toàn có thể tin tưởng về một tương lai tương sáng dành cho Công Ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, CTCP chứng khoán APG đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích đánh giá cần thiết hoạt động kinh doanh của CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu các nhận định của Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung và tiến độ của những dự án đầu tư nói riêng.

Bên cạnh đó, những kết quả đạt được trong năm bản lẻ 2019 và những năm trước đó là điều kiện thuận lợi và là động lực cho Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2020. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh thay đổi và biến động liên tục, các giải pháp kinh doanh mà Công ty đưa ra cho năm 2020 tập trung hướng tới những mục tiêu

bền vững và lâu dài nhằm củng cố và phát huy những giá trị cốt lõi tạo nên nền tảng nội lực vững chắc cho Công ty, đồng thời thích nghi với môi trường kinh doanh trong thời kỳ mới.

Do vậy, có thể thấy CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại có tiềm lực phát triển và có khả năng sinh lời trong tương lai cùng với xu thế phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 16/06/2020 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời gian 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phần dự kiến chào bán là 1.249.600 cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng. Trong đó

+ Phát hành 1.175.200 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1

+ Phát hành 74.400 cổ phần cho cán bộ, công nhân viên

4. Giá chào bán dự kiến

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 16/06/2020; Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/06/2020; Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, ĐHĐCĐ quyết định mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là :	12.080 đồng/cổ phần
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là :	11.972 đồng/cổ phần

Công ty lựa chọn mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần nhằm tăng khả năng thành công của đợt chào bán.

6. Phương thức phân phối

+ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 1.175.200 cổ phần	Tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được hưởng 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
+ Phát hành cho cán bộ, công nhân viên	74.400 cổ phần

+ Cổ phần được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Chào bán 1.175.200 cổ phần, tương ứng với giá trị 11.752.000.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi hai triệu đồng theo mệnh giá) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phục vụ cho đợt phát hành tăng vốn điều lệ, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới. Phương thức phân phối như sau: phân phối tại trụ sở CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại.

+ Cổ phần được phân phối cho cán bộ, công nhân viên là 74.400 cổ phần sẽ do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí là cán bộ công nhân viên có thâm niên công tác gắn bó lâu năm với Công ty.

❖ Phương án xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần không được mua hết:

Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị và số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết và số cổ phần còn dư chưa được chào bán do các nguyên nhân khác (nếu có) sẽ được cộng dồn và được ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu và đảm bảo một nhà đầu tư được mua thấp hơn 235.040 cổ phần (tương đương 10% vốn Điều lệ Công ty). Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. Hội đồng quản trị cam kết việc phân phối cổ phần không chào bán hết cho các cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định tại Khoản 07 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phần chào bán sẽ được phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán của UBCKNN. Dự kiến trong quý III hoặc quý IV năm 2020 sau khi có giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: cổ đông đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại trụ sở CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại (đối với cổ đông chưa lưu ký). Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian quy định.

Phương thức thanh toán: tiền mua cổ phần sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn tại nơi đăng ký mua cổ phiếu.

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch và đăng ký lưu ký tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của Vinatranco kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông. Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không hạn chế số lượng mua tối thiểu, cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được quyền mua

9. Phương thức thực hiện quyền

Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn mục V.6, V.7, và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hoặc của công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài sẽ phụ thuộc vào

các quy định của pháp luật chứng khoán. Tại thời điểm hiện tại, Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định:

“Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”;

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo.

Qua tra cứu danh mục ngành nghề có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Cổng thông tin điện tử quốc gia về đầu tư nước ngoài, trong danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty có ngành Vận tải hành khách đường bộ khác, Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm thuộc ngành có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Vậy tỷ lệ hạn chế sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là: không vượt quá 49%.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0 % vốn điều lệ tại ngày 07/05/2020

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu của cổ đông sáng lập Khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập sẽ được bãi bỏ.

CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/07/2005. Như vậy, cổ phần của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

Đối với số cổ phần trôi ra do làm tròn và số lượng cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết của đợt phát hành này mà được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn: Số cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan**a) Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế xuất, nhập khẩu,...

b) Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Nếu người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - + Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - + Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu – Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

Chủ tài khoản : Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Số tài khoản : 1500201109491

Ngân hàng : Ngân hàng NN và phát triển nông thôn CN Hà Nội

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích chào bán

Để đảm bảo nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là: **12.496.000.000 đồng (Mười hai tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)**. Số tiền này sẽ được sử dụng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Trả nợ Ngân hàng	10.000.000.000 đồng
2	Bổ sung vốn cho kinh doanh: để nhập kho phục vụ	2.469.000.000 đồng
Tổng cộng		12.496.000.000 đồng

- Hiện tại công ty đang có số dư nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN. Hà Nội là 22.659.737.727 theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-202003149 ngày 21/07/2020 nên nhằm mục đích cơ cấu lại các khoản nợ để giảm chi phí tài chính, được sự đồng ý của đại hội đồng cổ đông, VXT dành

10.000.000.000 thu được từ đợt chào bán chứng khoán để trả nợ ngân hàng. Đồng thời, dành 2.469.000.000 đồng từ đợt chào bán chứng khoán để phục vụ cho hoạt động mua nhập khẩu hàng hóa trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ủy quyền cho HĐQT có thể thay đổi kế hoạch sử dụng nguồn vốn sao cho phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, mang lại lợi nhuận tối ưu cho Công ty.
- Phương án huy động vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến: Để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 70%, tương đương số tiền thu được tối thiểu là 8,7 tỷ đồng. Vì vậy, trong trường hợp chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công hoặc cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn vốn vay) để thực hiện kế hoạch đầu tư hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư để phù hợp với tình hình tài chính, mang lại lợi nhuận tối ưu cho công ty.
- Điều kiện hủy bỏ đợt chào bán: tỷ lệ phát hành thành công 0%.
- Lưu ký và Niêm yết cổ phiếu: Cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm kể từ khi hoàn hành đợt chào bán nhằm đảm bảo đúng yêu cầu về niêm yết cổ phiếu đã chào bán ra công chúng (đối với cổ phiếu chưa niêm yết, đăng ký giao dịch).

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn chào bán

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG**
Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà Grand Building- 32 Hòa Mã, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại : 024 3941 0277
Fax : 024 3941 0323

2. Tổ chức kiểm toán

Tên công ty : **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**
Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 3824 1990 Fax: (024) 3825 3973
Website : <https://aasc.com.vn/web/>

IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Vinatranco và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán APG có một số nhận định như sau:

Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành kho vận, kinh doanh thương mại, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó chiến lược đầu tư của Công ty trong việc tập trung vào: lĩnh vực vận tải kho vận, đầu nhòm là phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của đất nước, điều này sẽ tạo ra nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông. Tuy nhiên với tốc độ phát triển nhanh và các cơ hội đầu tư hiện có, trong khi nguồn vốn chủ sở hữu còn khá hạn hẹp sẽ gia tăng rủi ro cũng như hạn chế một số cơ hội phát triển của Công ty.

Việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến rất cần thiết và phù hợp cho Công ty để nâng cao năng lực kinh doanh. Nếu đợt phát hành không thành công sẽ khiến Công ty phải đối mặt với rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, với tiềm năng sắp tới của Công ty và sự nỗ lực của ban điều hành, chúng tôi kỳ vọng đợt phát hành có khả năng thành công cao.

X. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Phụ lục III: Điều lệ công ty

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2020

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

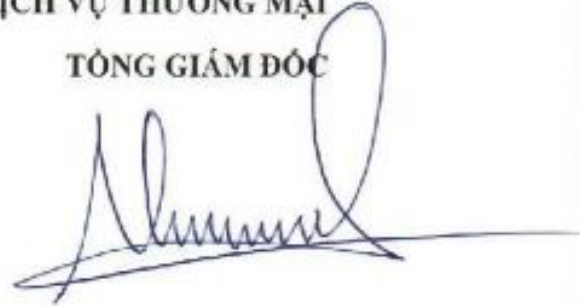


**NGUYỄN VĂN XUÂN
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

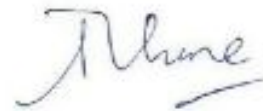


ĐỖ TRƯỜNG GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



**NGUYỄN KIM CƯỜNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



VŨ THỊ THƠM

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN THIÊN HÀ